



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 02 + 03

Ngày 10 tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

04/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 01/2026/QĐ-UBND quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Sơn La.	3
07/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 02/2026/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La.	8
08/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 03/2026/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La	9

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

03/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 16/QĐ-UBND phê duyệt Danh sách khách hàng sử dụng điện thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hệ thống điện trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026	10
06/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 33/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2026.	61

06/01/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 35/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Sơn La năm 2026.	92
------------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính; ý kiến thống nhất của HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 607/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Sơn La;

UBND ban hành Quyết định quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá.

c) Các đối tượng khác liên quan đến việc tính, thu, nộp, quản lý tiền thuê đất.

Điều 2. Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với đất nông nghiệp là: 0,5%

2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với đất phi nông nghiệp được quy định cho từng xã, phường.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thanh tra tỉnh tổ chức thanh tra việc tuân thủ quy định tại Quyết định này.

Xử lý theo thẩm quyền, hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Trưởng Thuế tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

2. Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Sơn La hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

Phụ lục
QUY ĐỊNH MỨC TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) TÍNH ĐƠN GIÁ
THUÊ ĐẤT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 04/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất hàng năm
1	Phường Tô Hiệu	2,0%
2	Phường Chiềng An	2,0%
3	Phường Chiềng Cơi	2,0%
4	Phường Chiềng Sinh	2,0%
5	Phường Mộc Châu	2,0%
6	Phường Mộc Sơn	2,0%
7	Phường Vân Sơn	2,0%
8	Phường Thảo Nguyên	2,0%
9	Xã Đoàn Kết	1,0%
10	Xã Lóng Sập	0,5%
11	Xã Chiềng Sơn	1,0%
12	Xã Tân Yên	1,0%
13	Xã Vân Hồ	1,5%
14	Xã Song Khủa	0,5%
15	Xã Tô Múa	0,5%
16	Xã Xuân Nha	0,5%
17	Xã Quỳnh Nhai	1,5%
18	Xã Mường Chiên	0,5%
19	Xã Mường Giôn	1,0%
20	Xã Mường Sại	0,5%
21	Xã Thuận Châu	1,5%
22	Xã Chiềng La	0,5%
23	Xã Nậm Lầu	0,5%
24	Xã Muối Nọi	0,5%

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất hàng năm
25	Xã Mường Khiêng	0,5%
26	Xã Co Mạ	0,5%
27	Xã Bình Thuận	1,0%
28	Xã Mường É	0,5%
29	Xã Long Hẹ	0,5%
30	Xã Mường Bám	0,5%
31	Xã Mường La	1,5%
32	Xã Chiềng Lao	0,5%
33	Xã Mường Bú	1,5%
34	Xã Chiềng Hoa	0,5%
35	Xã Ngọc Chiến	0,5%
36	Xã Bắc Yên	1,5%
37	Xã Tà Xùa	0,5%
38	Xã Tạ Khoa	0,5%
39	Xã Xím Vàng	0,5%
40	Xã Pắc Ngà	0,5%
41	Xã Chiềng Sại	0,5%
42	Xã Phù Yên	1,5%
43	Xã Gia Phù	1,0%
44	Xã Tường Hạ	0,5%
45	Xã Mường Cơi	1,5%
46	Xã Mường Bang	0,5%
47	Xã Tân Phong	0,5%
48	Xã Kim Bon	0,5%
49	Xã Suối Tọ	0,5%
50	Xã Yên Châu	1,5%
51	Xã Chiềng Hạc	0,5%
52	Xã Lóng Phiêng	0,5%
53	Xã Yên Sơn	0,5%

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất hàng năm
54	Xã Phiêng Khoài	0,5%
55	Xã Chiềng Mai	0,5%
56	Xã Mai Sơn	1,5%
57	Xã Phiêng Păn	0,5%
58	Xã Chiềng Mung	1,5%
59	Xã Phiêng Cầm	0,5%
60	Xã Mường Chanh	1,0%
61	Xã Tà Hộc	1,0%
62	Xã Chiềng Sung	1,5%
63	Xã Bó Sinh	0,5%
64	Xã Chiềng Khương	1,0%
65	Xã Mường Hung	0,5%
66	Xã Chiềng Khoong	0,5%
67	Xã Mường Lằm	0,5%
68	Xã Nậm Ty	0,5%
69	Xã Sông Mã	1,5%
70	Xã Huổi Một	0,5%
71	Xã Chiềng Sơ	1,0%
72	Xã Sốp Cộp	1,5%
73	Xã Púng Bính	0,5%
74	Xã Mường Lạn	0,5%
75	Xã Mường Lèo	0,5%

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 05/9/2019
của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ
đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

*UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 35/2019/QĐ-
UBND ngày 05 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí
xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La.*

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La;

UBND ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 01 năm 2026./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh sách khách hàng sử dụng điện thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hệ thống điện trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống đảm bảo cung cấp điện;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương quy định về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 368/TTr-SCT ngày 24 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hệ thống điện trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

Giám sát việc triển khai thực hiện cung cấp điện của Công ty Điện lực Sơn La theo Danh sách khách hàng đã được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương quy định về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện.

2. Công ty Điện lực Sơn La

- Xây dựng kế hoạch cung cấp điện theo công suất được phân bổ khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn năm 2026, trong đó đảm bảo cấp điện cho danh sách khách hàng sử dụng điện thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hệ thống điện trên địa bàn tỉnh Sơn la năm 2026 đã được phê duyệt tại Quyết định này, đặc biệt đảm bảo cung cấp điện cho các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng diễn ra trong năm 2026.

- Thực hiện công bố công khai, tổ chức thực hiện việc cung cấp điện theo Danh sách khách hàng đã được phê duyệt tại Quyết định này.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống lưới điện; có nguy cơ gây mất an toàn nghiêm trọng cho người, thiết bị và hệ thống điện phải thực hiện đúng nội dung, trình tự quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Công ty Điện lực Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

Phụ lục số 1
DANH SÁCH KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG ĐIỆN THUỘC ĐIỆN ƯU
TIỀN CẤP ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2026

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
TỔNG TOÀN TỈNH		2,623	1,696	1,642	17,860			
I	1	PHƯỜNG CHIỀNG CỎI						
1	1	Văn Phòng HĐND - UBND phường Chiềng Cỏi, tỉnh Sơn La				Xã Cỏi 2/ 250KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cỏi
2	2	Văn Phòng Tỉnh uỷ Sơn La, (các phòng Ban)				Văn phòng Tỉnh ủy/500KVA	Lộ 477 E17.67	Điều hòa tổng Tổ 7, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
3	3	Văn Phòng Tỉnh uỷ Sơn La (Hội trường)				Hội trường Tỉnh ủy/500KVA	Lộ 477 E17.67	Điều hòa tổng - Tổ 7, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
4	4	Trung tâm Hành chính tỉnh Sơn La. (mua điện qua Công ty trách nhiệm hữu hạn BLT Sơn La)				T1/750 KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cỏi
						T2/750 KVA	Lộ 477 E17.67	
						T3/1000KVA	Lộ 477 E17.67	
5	5	Trung tâm Hành chính công tỉnh Sơn La				Nà Coóng /400KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cỏi

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Sơn La				15	Nà Coóng /400KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cơi
6	Bệnh viện ĐK cuộc sống				570	BV Đa khoa Cuộc sống/ 630KVA	Lộ 371E17.67	Bản Buôn, phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La
7	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La				102	BV Tâm thần/ 180KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cơi
8	Đài Tiếng nói Việt Nam thường trú tại Sơn La				77	Đài Tiếng nói Việt Nam/ 180KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cơi
9	Công an phường Chiềng Cơi				25	Xã Cơi 2 250KVA	Lộ 477 E17.67	SN 55, đường Hoàng Quốc Việt, bản Mế an, Phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La
II	PHƯỜNG TÔ HIỆU	816	503	296	2.933			
10	Văn phòng HĐND - UBND phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La				195	Thành ủy/ 250KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 8 phường Tô Hiệu
11	Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La				238	Biên Phòng/ 400 KVA	Lộ 476E17.2	Tổ 1 Phường Tô Hiệu
12	Văn Phòng Tỉnh ủy Sơn La. (các phòng, ban)				435	Hội trường lớn Tỉnh ủy/ 500KVA	Lộ 477E17.67	Tổ 7 Phường Tô Hiệu
13	Văn phòng Tỉnh ủy Sơn La. (Hội trường)				365	Hội trường lớn Tỉnh ủy/500KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 7 Phường Tô Hiệu
14	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La				111	Bộ CHQS tỉnh/ 250KVA	Lộ 473E17.2	Tổ 5 Phường Tô Hiệu

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
15	Đài Truyền thanh truyền hình tỉnh Sơn La (Bảo Sơn La cũ)				16	Tổ 5 Tô Hiệu/ 100 KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 1 Phường Tô Hiệu
16	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Sơn La				150	Đài PTTH tỉnh /180KVA	Lộ 476E17.2	Tổ 2 Phường Tô Hiệu
17	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa phường Tô Hiệu (Trung tâm Truyền thông - Văn hóa thành phố)				52	SHINING 3/ 250KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 7 Phường Tô Hiệu
18	Công an phường Tô Hiệu				67	Sở Công an/ 160KVA	Lộ 475E17.67	Công an thành phố Tổ 5 phường Tô Hiệu
	Công an phường Tô Hiệu				15	Xã Cơi II/400kVA (xã Cơi I/400kVA)	Lộ 475E17.67 (Lộ 473E17.2)	Tổ 1 Phường Tô Hiệu
19	Phòng CSPCCC&CNCH				35	TBA Đồi Châu 320kVA	Lộ 475E17.67 (Lộ 473E17.2)	Số 6A, đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu
20	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La (Bệnh viện cũ)				37	Bệnh viện 2/ 250KVA	Lộ 475E17.67	Bệnh viện Đa khoa Cơ sở 2 - Tổ 4 phường Tô Hiệu
	Bưu điện tỉnh Sơn La	89	50	30	259	Bệnh viện/ 250KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 5 phường Tô Hiệu

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
21	Trung tâm Viễn thông TP (Tòa nhà VNPT)	203	150	40		Tòa nhà VNPT/ 320KVA	Lộ 477E17.67	Tổ 5 phường Tô Hiệu
22	Tòa nhà Viettel Sơn La	387	263	89		Tòa nhà VIETTEL/ 750KVA	Lộ 476E17.2	Tổ 1 phường Tô Hiệu
23	Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La	137	40	137		Khí Tượng/ 250KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 5 phường Tô Hiệu
24	Bệnh viện Y dược Cổ truyền tỉnh Sơn La				56	Mường La / 320 KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 5 Chiềng Lè phường Tô Hiệu
25	Bệnh viện Phục hồi Chức năng tỉnh Sơn La				415	BV Y học cổ truyền/560KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 5 Chiềng Lè phường Tô Hiệu
26	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La				53	BV Nội Tiết/ 400KVA	Lộ 471E17.2	Tổ 4 Chiềng Lè phường Tô Hiệu
27	Sở Y tế tỉnh Sơn La (Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật)				210	Da liễu/ 250KVA	Lộ 471E17.2	Tổ 3 Chiềng Lè phường Tô Hiệu
28	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm				50	Liên cơ 1/ 320KVA	Lộ 471E17.2	Tổ 4 Chiềng Lè phường Tô Hiệu
29	Trung tâm Pháp Y tỉnh Sơn La				72	Bệnh viện 1/320KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 4 Chiềng Lè phường Tô Hiệu
30	Sở Giáo dục				35	CQT Sở giáo dục /250KVA	Lộ 476 E17.2	Số 106 đường Thanh Niên, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
31	23 Sở Y tế				40	BV Nội Tiết/ 400KVA	Lộ 471E17.2	Số 48, đường Lò Văn Giá, tổ 3, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
32	24 Sở Xây Dựng Tỉnh Sơn La				42	Tổ 2 P. Quyết Thắng/400 KVA	Lộ 473E17.2	Số 188, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
33	Đài khí tượng thủy văn Bắc Bộ- trạm khí tượng Sơn La				38	Khí tượng/250kVA	Lộ 475E17.67	Tổ 9, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La, Việt Nam
34	Đài khí tượng thủy văn tỉnh Sơn La				21	Khí tượng/250kVA	Lộ 475E17.67	Tổ 9, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La, Việt Nam
III	3 PHƯỜNG CHIỀNG SINH	0	0	0	3.290			
35	UBND Phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La (UBND phường Chiềng sinh cũ)				15	CQT Đèn đường T1/180KVA	474E17.2	Tổ 3 phường Chiềng Sinh
36	UBND Phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La (UBND Xã Chiềng Ngần cũ)				12	UBX Chiềng Ngần/100KVA	478E17.2	Ủy ban xã Chiềng Ngần, phường Chiềng Sinh
37	UBND phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La (Trung tâm VH truyền thông TP cũ)				17	Đài truyền thanh tỉnh/250KVA	378E17.2	Tổ 5 phường Chiềng Sinh
38	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La (Bệnh viện 500 giường)				2.089	Bệnh viện Đa khoa/2500KVA	Lộ 474E17.2	Tổ 17 phường Chiềng Sinh

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
39	5 Viện Quân Y 6				341	Viện quân Y6/ 400KVA Viện 6/180KVA	Lộ 374E17.2 Lộ 473E17.2	Tổ 2 phường Chiềng Sinh (Hai điểm đo hai lộ khác nhau)
40	6 Công an tỉnh Sơn La				670	TBA Công an tỉnh/1000KVA	Lộ 474E17.2	Số 678 đường Lê Duẩn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La
41	7 Công an phường Chiềng Sinh				15	CQT Đèn đường T1/ 180KVA	474E17.2	Số 484, tổ 3 phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La
42	Trung tâm y tế khu vực Thành phố Sơn La (Trung tâm y tế thành phố Sơn La)				131	TT y tế Thành phố /160KVA	Lộ 474E17.2	Phường Chiềng Sinh
IV	4 PHƯỜNG CHIỀNG AN	337	110	337	387			
43	1 Văn Phòng HĐND - UBND phường Chiềng An, tỉnh Sơn La				20	Bản Bó /180KVA (Bản Bó / 250KVA)	475E17.67	Bản Bó phường Chiềng An
	2 Trụ sở UBND xã Chiềng Xôm (cũ)				12	Chiềng Xôm/ 250KVA)	475E17.67	Bản Panh phường Chiềng An
44	3 Nhà máy nước 2	162	60	162		NM nước 2/180 KVA	475E17.67	Tổ 5 phường Chiềng An
45	4 Bơm nước Nậm La	175	50	175		BN Nậm La/ 180KVA	Lộ 477E17.67	Tổ 5 phường Chiềng An

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
46	5 Công an phường Chiềng An				25	Bản bó 1/250KVA (Bản Cá 2/250KVA)	Lộ 475E17.67	Bản Bó phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
47	Trụ sở Công an tỉnh cũ				45	TBA Sở Công an cũ 250KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 2, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
48	Nhà máy xử lý nước thải thành phố Sơn La	250	150	350		TBA xử lý nước Thải/400KVA)	Lộ 475E17.67	Bản Tông, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
49	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La				150	TBA BV nội tiết/250KVA)	Lộ 475E17.67	Bản Co, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
50	Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La				120	TBA BV phong Da Liễu/250KVA)	Lộ 475E17.67	Bản Co, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
51	Trạm Y tế phường Chiềng An				15	Bản Bó /250KVA	Lộ 475E17.67	Bản Cá, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
V	5 XÃ MAI SƠN	0	0	0	788.87			
52	Văn phòng Đảng ủy, HĐND, UBND Xã Mai Sơn				58.8	Ủy ban/320KVA	Lộ 471E17.62	Tiểu khu 4 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
53	Công an Xã Mai Sơn				22.13	Trường Lái xe/180KVA	Lộ 375E17.62	Tiểu khu 2 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
54	Trụ sở Công an huyện Mai Sơn (cũ)				25	Trường Lái xe/ 180KVA	Lộ 375E17.62	Tiểu khu 2 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
55	Đội chữa cháy và CNCH khu vực IV				12.37	Tự Dùng/250KVA	Lộ 373E17.62	Tiểu khu 7, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
56	5 Ban Chỉ huy Quân sự xã Mai Sơn				15	Huyện Đội/320KVA	Lộ 473E17.62	Tiểu khu 9, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La
57	6 Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn				459.5	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn/560KVA	Lộ 473E17.62	Tiểu khu 18, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La
58	8 Bưu điện xã Mai Sơn				4.2	Tiểu Khu 6/320KVA	Lộ 471E17.62	Tiểu khu 6, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La
59	10 Công ty cổ phần cấp nước Sơn La				93	TBA - XN nước Bơm đầu nguồn/100	Lộ 375E17.62	Tiểu khu 20, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La
60	11 Bệnh viện Phổi tỉnh Sơn La				35	Bệnh viện Lao/180KVA	Lộ 373E17.62	Tiểu khu 17, xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
61	12 Bệnh viện Phổi tỉnh Sơn La				35	Bệnh Viện/180KVA	Lộ 473E17.62	Tiểu khu 17, xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
VI	6 XÃ CHIỀNG MAI	0	0	0	51.05			
62	1 HĐND xã Chiềng Mai				5	UBND xã C.Mai/100KVA	Lộ 373E17.2	Bản Ban, xã Chiềng Mai - tỉnh Sơn La
63	2 UBND xã Chiềng Mai (trụ sở UB xã)				31,48	Bản Ngầu	Lộ 373E17.2	Bản Vực, xã Chiềng Mai - tỉnh Sơn La
64	3 UBND xã Chiềng Mai				2.57	UBND Xã C.Mai/100KVA	Lộ 373E17.2	Bản Ban, xã Chiềng Mai - tỉnh Sơn La
65	4 Công an xã Chiềng Mai				12	UBND Xã C.Mai/100KVA	Lộ 373E17.2	Bản Ban, xã Chiềng Mai - tỉnh Sơn La
VII	7 XÃ PHIỀNG PẮN	0	0	0	49.915			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
66	1 HĐND xã Phiêng Pần				2	Bó Mít/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Kết Hay, xã Phiêng Pần, tỉnh Sơn La
67	2 UBND Xã Phiêng Pần				2.225	Bó Mít/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Kết Hay, xã Phiêng Pần, tỉnh Sơn La
68	3 Công an xã Phiêng Pần				7.48	Bó Mít/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Kết Hay, xã Phiêng Pần, tỉnh Sơn La
69	Đồn biên phòng Phiêng Pần (Phiên hiệu 459)				38.21	BA Đồn Biên Phòng 459/50KVA	Lộ 373E17.2	Bản Phiêng Khàng, xã Phiêng Pần, tỉnh Sơn La
VIII	8 XÃ CHIỀNG MUNG	0	0	0	265.79			
70	1 Đảng ủy, HĐND, xã Chiềng Mung				21,35	Chiềng Mung 1/180KVA	Lộ 378E17.2	Bản Phát, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La
71	2 Công an xã Chiềng Mung				5,35	Noong La/180KVA	Lộ 378E17.2	Bản Nà Hạ 2, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La
72	Trạm Ra Đa 37-Trung đoàn 293 - Sư đoàn 361				92,75	TBA - Ra đa 37/180KVA	Lộ 378E17.2	Tiểu Khu Nà Sản, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La
73	Trạm Ra Đa 37, trung đoàn 293 sư đoàn 361 Quân chủng phòng không - không quân				30,9	Ra Đa 37 Tầm xa/50KVA	Lộ 378E17.2	Tiểu Khu Nà Sản, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La
74	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La				115.34	TTGDLD Tỉnh/560KVA	Lộ 373E17.2	Bản Mạt, xã Chiềng Mung - tỉnh Sơn La
IX	9 XÃ PHIỀNG CẨM	0	0	0	19.4			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
75	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Phiêng Cầm				14.3	UBND Xã P. Cầm/180KVA	Lộ 373E17.2	Bản Nông Tàu Thái, xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La
76	UBND xã phiêng cầm				15	Nong Tàu Thái/50KVA	Lộ 373E17.2	Bản Nông Tàu Thái, xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La
77	Công an xã Phiêng Cầm				5,02	UBND Xã P. Cầm/180KVA	Lộ 373E17.2	Bản Nông Tàu Thái, xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La
X	XÃ MƯỜNG CHANH	0	0	0	18.5			
78	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Chanh				10.5	Cang Mường/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Cang Mường, xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La
79	Công an xã Mường Chanh				8	Cang Mường/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Cang Mường, xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La
XI	XÃ TÀ HỘC	0	0	0	37.75			
80	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tà Hộc				19	Nà Bó 2/180KVA	Lộ 375E1762	Bản Hộc, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La
81	Công an xã Tà Hộc				18.75	Nà Bó 2/180KVA	Lộ 375E1762	Bản Hộc, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La
XII	XÃ CHIỀNG SUNG	0	0	0	27.8			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
82	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Sung				15.8	Hoà Bình/180KVA	Lộ 371E1762	Bản Hòa Bình, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La
83	Công an xã Chiềng Sung				12	Hoà Bình/180KVA	Lộ 371E1762	Bản Hòa Bình, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La
XIII	XÃ YÊN CHÂU	0	0	0	257,5			
84	Đảng uỷ, HĐND xã Yên Châu				18.7	Ủy ban/320KVA		Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
85	UBND xã Yên Châu				14.2	Tiểu khu 3/180KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
86	Công an xã Yên Châu				9.6	Ủy ban/320KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
87	Trụ sở Công an huyện Yên Châu (cũ)				20	Ủy ban/ 320KVA	Lộ 371E17.66	TK 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
88	Đội chữa cháy và CNCH khu vực VIII				16	TBA Thị trấn /180KVA	Lộ 371E17.66	TK 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
89	Ban Chỉ huy Phòng thủ Khu vực 4 - Mộc Châu (Trung tâm Huấn luyện Cơ sở 07)				7	Bệnh viện/ 400KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 5, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
90	Bệnh viện đa khoa xã Yên Châu				150	Bệnh viện Đa khoa/320KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 5, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
91	Chi nhánh cấp nước Yên Châu				22	Ủy ban/320KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
XIV	XÃ CHIỀNG HẠC	0	0	0	34.6			
92	Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Chiềng Hạc				25	Hát Sét/180KVA	Lộ 371E17.66	Bản Đoàn kết, xã Chiềng Hạc, tỉnh Sơn La
93	Công an xã Chiềng Hạc				9.6	Hát Sét/180KVA	Lộ 371E17.66	Bản Huổi Sét, xã Chiềng Hạc, tỉnh Sơn La
XV	XÃ LÓNG PHIỀNG	0	0	0	42.3			
94	Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Lóng Phiềng				15	Ủy ban1/180KVA	Lộ 373E17.66	Yên Thi, xã Lóng Phiềng, Yên Châu, Sơn La
95	Đồn Biên Phòng Chiềng Tương				19.88	Đề A/50KVA	Lộ 373E17.66	Bản Đề A, xã Lóng Phiềng, tỉnh Sơn La
96	Công an Xã Lóng Phiềng				7.42	Lóng Phiềng/ 180KVA	Lộ 373E17.66	Bản Tà Vàng, xã Lóng Phiềng, tỉnh Sơn La
XVI	XÃ YÊN SƠN	0	0	0	35.42			
97	Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Yên Sơn				21	Chiềng Hưng/ 180KVA	Lộ 371E17.66	Chiềng Hưng, xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La
98	Công an xã Yên Sơn				7.42	Chiềng Hưng/ 180KVA	Lộ 371E17.66	Chiềng Hưng, xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
99	Đồn Biên phòng Chiềng On				7	Nà Đét/100KVA	Lộ 371E17.66	Nà Đét, xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La
XVII	XÃ PHIÊNG KHOÀI	0	0	0	35			
100	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Phiêng khoài				15	Kim chung 2/180KVA	Lộ 373E17.66	Bản Kim Chung 1, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La
101	Công an xã Phiêng khoài				10	Kim Chung 3/180KVA	Lộ 373E17.66	Bản Kim Chung 3, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La
102	Trạm Y tế xã Phiêng Khoài				10	Trường cấp 2 Phiêng Khoài/ 180KVA	Lộ 373E17.66	Bản Kim Chung 1, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La
XVIII	PHƯỜNG MỘC CHÂU	0	0	0	236.08			
103	Đảng ủy, HĐND, UBND phường Mộc Châu (trụ sở UBND thị xã Mộc Châu cũ)				26.18	Trung tâm hành chính/560	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 14, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
104	Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 4 - Mộc Châu				20	Trung tâm hành chính/560	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 14, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
105	Bệnh viện đa khoa phường Mộc Châu				147.4	Bệnh viện đa khoa Mộc Châu/400	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 11, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
106	Trung tâm y tế Mộc Châu				19.5	Đền Đường/250	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 14, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
107	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu				9	Lâm Sơn 2/180	Lộ 471E17.1	Tổ dân phố 13, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
108	Công an phường Mộc Châu				14	Trung tâm hành chính/560	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 4, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
XIX	PHƯỜNG MỘC SƠN	71.5	45	71.5	271.81			
109	Đảng ủy, HĐND, UBND phường Mộc Sơn				35	UB huyện/400	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
110	Công an phường Mộc Sơn				14	UB huyện/400	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
111	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu - Trạm bơm	46.5	30	46.5		Bơm nước M.C/180	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 8, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
112	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu - Trạm bơm	25	15	25		Trường DTNT (Nội trú)/250	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 3, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
113	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Mộc Châu				4.96	TT Văn Hóa/180	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 8, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
114	Bưu điện Mộc Châu				1.27	Tiểu Khu 4/160	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
XX	PHƯỜNG VÂN SƠN	0	0	0	49			
115	Đảng ủy, HĐND, UBND phường Vân Sơn				35	Ủy ban xã Phiêng Luông/160	Lộ 374E17.1	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
116	Công an phường Vân Sơn				14	Ủy ban xã Phiêng Luông/160	Lộ 374E17.1	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La
XXI	21 PHƯỜNG THAO NGUYỄN	0	0	0	171.8			
117	Đảng ủy, HĐND, UBND phường Thào Nguyên				34	Trường 8-4/180	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 40, phường Thào Nguyên, tỉnh Sơn La
118	Công an phường Thào Nguyên				16	Quỹ tín dụng/180	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố Trung Nguyên, phường Thào Nguyên, tỉnh Sơn La
119	Bệnh viện đa khoa khu vực Thào Nguyên				77.2	Chợ km 70/250	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố Bình Nguyên, phường Thào Nguyên, tỉnh Sơn La
120	Đội PCCC & CNCH Nông trường Mộc Châu				20	Phòng cháy/100	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 3/2, phường Thào Nguyên, tỉnh Sơn La
121	Nhà máy nước khu Nông trường				9.6	Trung tâm/320	Lộ 471E17.1	Tổ dân phố Khí Tượng, phường Thào Nguyên, tỉnh Sơn La
122	Ra đa 35				15	Ra đa 2/250	Lộ 476E17.1	Tổ dân phố 84/85, phường Thào Nguyên, tỉnh Sơn La
XXII	22 XÃ ĐOÀN KẾT	0	0	0	39			
124	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Đoàn Kết				27	Lâm trường 2/180	Lộ 374E17.1	Bản Nà Sài, xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
125	Công an xã Đoàn Kết				12	Lâm trường 2/180	Lô 374E17.1	Bản Nà Sài, xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La
XXIII	XÃ LÓNG SẬP	0	0	0	93			
126	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Lóng sập				31	Tắt Lau/100	Lô 372E17.1	Bản Phát, xã Lóng Sập, tỉnh 120 Sơn La
127	Công an xã Lóng sập				12	Tắt Lau/100	Lô 372E17.1	Bản Phát, xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La
128	Đồn biên phòng Lóng Sập				30	TBA Đồn 469/100KVA	Lô 372E17.1	Xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La
129	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Lóng Sập				20	TBA Cửa khẩu/ 50KVA	Lô 372E17.1	Xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La
XXIV	XÃ CHIỀNG SƠN	0	0	0	72			
130	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Sơn				36	Chiềng Ve 1/320	Lô 372E17.1	Tiểu khu 5, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La
131	UBND Xã Chiềng Sơn (trụ sở UBND Xã Chiềng Xuân cũ)				22	Ủy ban xã Chiềng Xuân/75	Lô 372E17.1	Bản Suối Quanh, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La
132	Công an xã Chiềng Sơn				14	Chiềng Ve 1/320	Lô 372E17.1	Tiểu khu 5, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La
XXV	XÃ TÂN YÊN	0	0	0	46			
133	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tân Yên (trụ sở UBND xã Tân Lập cũ)				31	Ngã 3 Đội 12/180	Lô 476E17.1	Tiểu khu 12, xã Tân Yên, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
134	Công an xã Tân Yên				15	Ngã 3 Đội 12/180	Lộ 476E17.1	Tiểu khu 12, xã Tân Yên, tỉnh Sơn La
XXVI	XÃ VÂN HỒ	861.41	839.5	545.86	598.1	E 17.1		
135	Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Vân Hồ				363.00	TT hành chính Vân Hồ/400	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
136	Công an xã Vân Hồ				150.00	Công an Vân Hồ/250	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
137	Ban Chỉ huy Quân sự xã Vân Hồ				79.00	Huyện đội Vân Hồ/110	Lộ 472E17.1	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
138	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Xã Vân Hồ	6.69	4.20	3.20		TT hành chính Vân Hồ/400	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
139	Bưu điện xã Vân Hồ	20.36	16.30	10.50		Sao Đỏ 3/250	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
140	Trung tâm Viễn thông xã Vân Hồ	4.20	3.00	2.00		TT hành chính Vân Hồ/400	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
141	Chi nhánh cấp nước xã Vân Hồ	30.16	16.00	30.16		Bơm nước bản Bon/50	Lộ 472E17.1	Bản Bon, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
142	Trung tâm Y tế xã Vân Hồ				6.10	TT hành chính Vân Hồ/400	Lộ 472E17.1	Bản Hang Trùng I, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
143	Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Hồ - cơ sở Vân Hồ	800	800	500		TBA Bệnh Viện/1200kVA	Lộ 472E17.1	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
XXVII	XÃ SONG KHUẢ	0	0	0	45			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
144	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Song Khùa				31.00	Ủy ban xã Song Khùa/250	Lộ 374E17.1	Bản Lóng Khùa, xã Song Khùa, tỉnh Sơn La
145	Công an xã Song Khùa				14.00	Ủy ban xã Song Khùa/250	Lộ 374E17.1	Bản Lóng Khùa, xã Song Khùa, tỉnh Sơn La
XXVIII	XÃ TÔ MÚA	0	0	0	39			
146	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tô Múa				25.00	Tô Múa/320	Lộ 374E17.1	Tiểu khu Trung tâm, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La
147	Công an xã Tô Múa				14.00	Bản Pàn/100	Lộ 374E17.1	Bản Pàn Ngừa, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La
XXIX	XÃ XUÂN NHA	0	0	0	47			
148	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Xuân Nha				32.00	Bản Thín/160	Lộ 376E17.1	Bản Thín, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La
149	Công an xã Xuân Nha				15.00	Bản Thín/160	Lộ 376E17.1	Bản Thín, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La
XXX	XÃ PHÙ YÊN	80.31	30	80.31	692.64	E 17.5		
150	Đảng ủy xã Phù Yên				39.4	UBND huyện/ 320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 04, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
151	HĐND, UBND xã Phù Yên				75	Ủy ban huyện 2/250KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 04, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
152	3 Công an xã Phù Yên				318.8	Công An Phù Yên/320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 01, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
153	4 Công an xã Phù Yên				12	Bản Puôi 1/ 100KVA	Lộ 471E17.5	Puôi 2, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
154	5 Công an xã Phù Yên				13	Nong Púng/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Tân Cống, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
155	6 Công an xã Phù Yên				15	Kho bạc/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Tiểu khu 04, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
156	7 Ban Chi huy PTKV 3, Mai Sơn, Bộ CHQS tỉnh Sơn La				7.5	Khối 5/250KVA	Lộ 375E17.5	Tiểu khu 04, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
157	Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên				68.58	Bệnh viện/ 400KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 01, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
158	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Phù Yên				31.6	Khối 11/320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 02, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
159	Bưu điện xã Phù Yên				10.9	Công An huyện/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Tiểu khu 04, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
160	Chi nhánh Trung tâm Viễn thông Phù Yên - Bắc Yên Viễn thông Sơn La				13.74	UBND huyện/ 320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 04, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
161	Chi nhánh cấp nước xã Phù Yên				2.05	Sân Vận động/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Tiểu khu 05, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
162	Chi nhánh cấp nước xã Phù Yên	80.31	30	80.31		Trạm bơm/ 100KVA	Lộ 375E17.5	Trạm Bơm nước Nà Xá, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
163	Đài Truyền thanh - Truyền hình Phù Yên (Trạm phát sóng FM)				17.8	FM Suối Tọ/50KVA	Lộ 375E17.5	Đồi Thông, xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La
164	Trung tâm y tế xã Phù Yên				17.27	Công Viên 3/2/ 400KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 01, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
165	Điểm Y Tế Huy Hạ				8	Nà Lò 1/180KVA	Lộ 375E17.5	Bản Trồ 1, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
166	Điểm Y Tế Huy Tân				9	Bản Puôi/ 250KVA	Lộ 471E17.5	Bản Puôi, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
167	Điểm Y Tế Huy Thượng				12	Bản Ban/ 250KVA	Lộ 375E17.5	Bản Ban, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
168	Điểm Y Tế Huy Tường				6	Huy Tường 1/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Bản Tiến Phong, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
169	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả				15	Văn hóa/ 320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 02, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
XXXI	XÃ GIA PHÙ	0	0	0	111			
170	Đảng ủy, HDND xã Gia Phù				35	Bà Chung 3/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Bà Thượng 1, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
171	UBND xã Gia Phù				20	Bản Chát (GP)/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Bản Nà Khảm, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
172	3 Công an xã Gia Phù				16	Bản Chất (GP)/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Phố Ngã Ba, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
173	4 Công an xã Gia Phù				10	Bùn Thượng 2/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Bản Bùn Thượng, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
174	5 Công an xã Gia Phù				8	UB Sập Sa/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Xa, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
175	6 Trạm Y tế Xã Gia Phù				7	Nà Mạc/250KVA	Lộ 373E17.5	Bản Nà Mạc, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
176	7 Điểm Y tế Suối Bau				5	Suối Chèo/50kVA	Lộ 373E17.5	Bản Suối Chèo, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
177	8 Điểm Y tế Sập Xa				5	UB Sập Sa/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Xa, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
178	9 Điểm Y tế Tường Phù				5	Bùn Chung 3/180kVA	Lộ 375E17.5	Bản Bùn Chung 1, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
XXXII	32 XÃ TƯỜNG HẠ	0	0	0	92.9			
179	1 UBND xã Tường Hạ				27	Bản Cóc/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Cóc, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
180	2 Đảng ủy, HDND xã Tường Hạ				15	Tường Thượng/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Khoa 1, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
181	3 Công an xã Tường Hạ				14	Bản Cóc/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Cóc, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
182	Công an xã Tường Hạ - Tổ khu vực 2				9	Bản Pa/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Pa, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
183	Công an xã Tường Hạ - Tổ khu vực 3				9	Tường Thượng/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Khoa 1, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
184	Trạm Y tế xã Tường Hạ				3.9	Bản Cóc/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Cóc, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
185	Điểm Y tế Tường Phong				5	Hạ Lương/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Bản Hạ Lương, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
186	Điểm Y tế Tường Tiến				5	Bản Pa/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Pa, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
187	Điểm Y tế Tường Thượng				5	Bản Thon/ 100KVA	Lộ 375E17.5	Bản Đồng La, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
XXXIII	XÃ MƯỜNG CỎI	0	0	0	55.4			
188	Đảng ủy, HDND, UBND xã Mường Cỏi				24	Mường Cỏi/ 250KVA	Lộ 375E17.5	Ngã ba, xã Mường Cỏi, tỉnh Sơn La
189	Công an xã Mường Cỏi				15	Bãi Đu/180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Đu Lau, xã Mường Cỏi, tỉnh Sơn La
190	Trạm Y tế xã Mường Cỏi				5.4	Suối Bì/180KVA	Lộ 375E17.5	Ngã ba, xã Mường Cỏi, tỉnh Sơn La
191	Điểm Y tế Mường Thái				5	Thái Thượng/ 100KVA	Lộ 375E17.5	Bản Thái, xã Mường Cỏi, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
192	Điểm Y tế Tân Lang				6	TBA Bản Khến /100kVA	Lộ 371E17.5	Bản Khến Tiên, xã Mường Cơi
XXXIV	34 XÃ MUỜNG BANG	0	0	0	66			
193	Đảng ủy, HDND, UBND xã Mường Bang				31	Bản Lăn/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Lăn, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
194	Công An xã Mường Bang				13	Bản Sọc/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Sọc, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
195	Công An xã Mường Bang				5	Bản Lăn/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Lăn, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
196	Trạm Y tế xã Mường Bang				7	Bản Lăn/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Lăn, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
197	Điểm Y tế Mường Bang				5	Bản Sọc/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Sọc, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
198	Điểm Y tế Mường Lang				5	Bản Đung/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Đung, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
XXXV	35 XÃ TÂN PHONG	0	0	0	59			
199	Đảng ủy, HDND, UBND xã Tân Phong				28	Suối Nhào/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Vạn Yên, xã Tân Phong, tỉnh Sơn La
200	Công an xã Tân Phong				14	Suối Nhào/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Vạn Yên, xã Tân Phong, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
201	3 Trạm Y tế xã Tân Phong				7	Vạn 2/180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Vạn Yên, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
202	4 Điểm Y tế Nam Phong				5	Đá Mai/100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Đá Mai, xã Tân Phong, tỉnh Sơn La
203	5 Điểm Y tế Bắc Phong				5	Đá Phở/75KVA	Lộ 371E17.5	Bản Trung Phong, Xã Tân Phong, tỉnh Sơn La
XXXVI	36 XÃ KIM BON	0	0	0	57			
204	1 Đảng ủy, HDND, UBND xã Kim Bon				31	UB Kim Bon 2/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Kim Bon, xã Kim Bon, tỉnh Sơn La
205	2 Công an xã Kim Bon				14	UB Kim Bon 2/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Kim Bon, xã Kim Bon, tỉnh Sơn La
206	3 Trạm Y tế xã Kim Bon				7	UB Kim Bon 2/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Suối Bương xã Kim Bon Phù Yên Sơn La
207	4 Điểm Y tế Đá Đỏ				5	UB Đá Đỏ/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản bãi Vàng, xã Kim Bon, tỉnh Sơn La
XXXVII	37 XÃ XUỐI TỌ	0	0	0	44			
208	1 Đảng ủy, HDND, UBND xã Suối Tọ				25	UB Suối Tọ/ 31.5KVA	Lộ 375E17.5	Bản Lũng Khoai, xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La
209	2 Công an xã Suối Tọ				12	UB Suối Tọ/ 31.5KVA	Lộ 375E17.5	Bản Lũng Khoai, xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
210	Trạm Y tế xã Suối Tọ				7	Suối Tọ/100KVA	Lộ 375E17.5	Bản Lũng Khoai A, xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La
XXXXVIII	XÃ BẮC YÊN	0	0	0	427.65	E 17.5		
211	Văn phòng Đảng ủy xã Bắc Yên				28.7	Tiểu khu 1/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
212	Văn phòng HĐND-UBND xã Bắc Yên				29.3	Tiểu khu 1/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
213	Tổ địa bàn Bắc Yên - Phòng PC 08				7.1	Công An huyện (BY)/320KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
214	Công an xã Bắc Yên				7.1	UB Thị trấn/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
	Trụ sở Công an Huyện Bắc Yên (cũ)				15	Công An huyện (BY)/320KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
215	Ban Chỉ huy Quân sự xã Bắc Yên				7.1	Cấp 3/250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
216	Ban Chỉ huy Quân sự xã Bắc Yên				3.96	TT GDTX/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
217	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên				252.95	TBA Bệnh viện ĐKB Y/ 400KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
218	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Bắc Yên				19	Tiểu khu 1/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 1, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
219	Bưu điện Bắc Yên				7.1	Chợ Trung tâm/400KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
220	Chi nhánh Trung tâm Viễn thông Phù Yên - Bắc Yên Viễn thông Sơn La				16.42	UB Thị trấn/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
221	Chi nhánh cấp nước Bắc Yên				7.55	Tiểu khu 4/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 1, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
222	Chi nhánh cấp nước Bắc Yên				5.5	Trường Chính trị/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 2, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
223	Trung tâm Y tế khu vực Bắc Yên				6.83	Y tế Dự phòng/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 2, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
224	Trạm Y tế xã Bắc Yên				3.51	Cấp 3/250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
225	Trạm Y tế xã Bắc Yên				3.51	Hồng Ngài/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hồng Ngài, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn
226	Trạm Y tế xã Bắc Yên				3.51	UBND Phiêng Ban/180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Tân Ban, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
227	Trạm Y tế xã Bắc Yên				3.51	Song Pe/180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Pe, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
XXXIX	XÃ TÀ XÙA	0	0	0	65.53			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
228	1 UBND xã Tà Xùa				24	Chế biến Chè Tà Xùa/180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Tà Xùa, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La
229	2 UBND xã Tà Xùa				14	UBND Làng Chếu/100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Trang Dưa Hang, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La
230	3 Trạm Y tế xã Tà Xùa				3.51	Tà Xùa 2/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Tà Xùa, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La
231	4 Công an xã Tà Xùa				17	Tà Xùa 2/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Tà Xùa, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La
232	5 Trạm Y tế xã Tà Xùa				3.51	UBND Làng Chếu/100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Trang Dưa Hang, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La
233	6 Trạm Y tế xã Tà Xùa				3.51	Háng Đồng B/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Háng Đồng, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La
XL 40	XÃ TẠ KHOA	0	0	0	55.53			
234	1 UBND xã Tạ Khoa				33	Bản Phúc/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Phúc, xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La
235	2 Công an xã Tạ Khoa				12	Bản Phúc/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Phúc, xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La
236	3 Trạm Y tế xã Tạ Khoa				3.51	Bản Phúc/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Phúc, xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La
237	4 Trạm Y tế xã Tạ Khoa				3.51	Nhận Nọc/ 50KVA	Lộ 373E17.5	Bản Tân Tiến, xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La
238	5 Trạm Y tế xã Tạ Khoa				3.51	Sông Pét/ 50KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hua Noong, xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
XL I	41	XÃ XÍM VÀNG	0	0	0			
239	1	UBND xã Xím			21	Hang Chú/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hang Chú, xã Xím Vàng, tỉnh Sơn La
240	2	Công an xã Xím Vàng			11	Hang Chú/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hang Chú, xã Xím Vàng, tỉnh Sơn La
241	3	Trạm Y tế xã Xím Vàng			3.51	Hang Chú/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hang Chú, xã Xím Vàng, tỉnh Sơn La
242	4	Trạm Y tế xã Xím Vàng			3.51	Xím Vàng/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Xím Vàng, xã Xím Vàng, tỉnh Sơn La
XL II	42	XÃ PẮC NGÀ	0	0	41			
243	1	UBND xã Pắc Ngà			22	Bản Bước/ 180KVA	Lộ 375E17.62	Bản Bước, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La
244	2	Công an xã Pắc Ngà			10	Bản Bước/ 180KVA	Lộ 375E17.62	Bản Bước, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La
245	3	Trạm Y tế xã Pắc Ngà			3.51	Bản Bước/ 180KVA	Lộ 375E17.62	Bản Bước, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La
246	4	Trạm Y tế xã Pắc Ngà			3.51	Vàn 2/100KVA	Lộ 375E17.62	Bản Vàn, Xã Pắc Ngà, Tỉnh Sơn La
XL III	43	XÃ CHIỀNG SẠI	0	0	55			
247	1	UBND xã Chiềng Sại			31	Bản En/ 180KVA	Lộ 375E17.66	Bản En, Xã Chiềng Sại, Tỉnh Sơn La
248	2	Công an xã Chiềng Sại			16	Bản En/ 180KVA	Lộ 375E17.66	Bản En, Xã Chiềng Sại, Tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
249	3	Trạm y tế xã Chiềng Sại			3.51	Nà Dòn/ 100KVA	Lộ 375E17.66	Bản Nà Dòn, Xã Chiềng Sại, Tỉnh Sơn La
250	4	Trạm y tế xã Chiềng Sại			3.51	Bản En/ 180KVA	Lộ 375E17.66	Bản En, Xã Chiềng Sại, Tỉnh Sơn La
XLIV	44	XÃ QUỲNH NHAI	57.64	25	178.14			
251	1	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Quỳnh Nhai - trụ sở UBND huyện Quỳnh Nhai cũ			23	TBA Số 05 P.Lanh/250	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
252	2	UBND xã Quỳnh Nhai -Trụ sở UBND xã Chiềng Ôn cũ			12	TBA Pa Sáng/50	Lộ 373E17.4	Pa Sáng xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
253	3	UBND xã Quỳnh Nhai - Trụ sở Trụ sở UBND xã Chiềng Khoang cũ			14	TBA Bản Khoang/180	Lộ 373E17.4	Bản Khoang xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
254	4	Công an xã Quỳnh Nhai			15	Số 07 P.Lanh/250	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
255	5	Ban Chỉ huy Quân sự xã Quỳnh Nhai			18.04	TBA số 06 Phiêng Lanh/160	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
256	6	Bệnh viện Đa Khoa xã Quỳnh Nhai			46.62	Số 10 P.Lanh/250	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
257	7	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Quỳnh Nhai			2.78	TBA Số 04 Phiêng Lanh/400	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
258	8	Bưu điện xã Quỳnh Nhai			10.79	TBA Số 06 Phiêng Lanh/160	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cáp điện/ CS	Đường dây cáp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
259	Trung tâm Viễn thông Quỳnh Nhai	22.64	15	11		TBA Số 06 Phiêng Lanh/160	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
260	Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai	35	10	35.65		Co Phát/100	Lộ 373E17.4	Hua Mường xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
261	Trung tâm Y tế xã Quỳnh Nhai				35.91	TBA Số 09 Phiêng Lanh/320	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 4 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
XLV	XÃ MUỜNG CHIẾN	0	0	0	63.7			
262	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Chiên - Trụ sở UBND xã Mường Chiên cũ				26.7	TBA Bàn Quyên/75	Lộ 375E17.4	Bản Bon xã Mường Chiên tỉnh Sơn La
263	UBND xã Mường Chiên - Trụ sở UBND xã Chiềng Khay cũ				12	TBA TT xã Chiềng Khay/100	Lộ 375E17.4	Chiềng Khay xã Mường Chiên tỉnh Sơn La
264	UBND xã Mường Chiên - Trụ sở UBND xã Cà Nàng cũ				12	TBA Cà Nàng/160	Lộ 375E17.4	Cà Nàng xã Mường Chiên tỉnh Sơn La
265	Công an xã Mường Chiên - đùng chung với điện với UB xã				13	TBA TT xã Chiềng Khay/100	Lộ 375E17.4	Chiềng Khay xã Mường Chiên tỉnh Sơn La
XLVI	XÃ MUỜNG GIÓN	19.6	0	7.4	12.7			
266	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Giôn	19.6		7.4		TBA UB Mường Giôn 2/180	Lộ 375E17.4	Chiềng Lè xã Mường Giôn tỉnh Sơn La
267	Công an xã Mường Giôn				12.7	TBA UB Mường Giôn/320	Lộ 375E17.4	Chiềng Lè xã Mường Giôn tỉnh Sơn La
XLVII	XÃ MUỜNG SẠI	0	0	0	44.1			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
268	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Sại				16.9	TBA bản Mường/100	Lộ 375E17.4	Bản Nong xã Mường Sại tỉnh Sơn La
269	UBND xã Mường Sại - Trụ sở 2 Trụ sở UBND xã Nậm Ét cũ				14	TBA bản Mường/100		Bản Nong xã Mường Sại tỉnh Sơn La
270	Công an xã Mường Sại				13.2	TBA bản Mường/100	Lộ 375E17.5	Bản Nong xã Mường Sại tỉnh Sơn La
XLVII	XÃ THUẬN CHÂU	34	10	34.52	416,39	E 17.4		
271	HĐND, UBND xã Thuận Châu				11.4	TBA Nhà Văn hóa/320	Lộ 375E17.4	Tiểu khu 7, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
272	Công an xã Thuận Châu				33.62	TBA Công an/180	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 8, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
	Đội chữa cháy và CNCH khu vực VII				13	TBA Công an/180	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 9, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
273	Bệnh viện đa khoa khu vực Thuận Châu				220	TBA Bệnh viện Đa khoa huyện/ 180	Lộ 375E17.4	Tiểu khu 10, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
274	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Thuận Châu				34.3	TBA Nhà Văn hóa/320	Lộ 375E17.4	Tiểu khu 7, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
275	Trạm phát sóng FM				59.615	TBA FM Pha đin (CD)/100	Lộ 373E17.4	Huổi Ái, xã Mường É, tỉnh Sơn La
276	Bưu điện xã Thuận Châu				12.6	TBA Công an/180	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 8, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
277	Trung tâm Viễn thông xã Thuận Châu				5.48	TBA Công An/180	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 14, xã Thuận Châu, Tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
278	Chi nhánh cấp nước xã Thuận Châu	34	10	34.52		TBA Nhà Văn hóa/320	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 7, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
279	Trạm Bơm xã Thuận Châu				15.08	TBA Bản Pó/160	Lộ 377E17.4	Bản Co Trạng, xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La
280	Trung tâm Y tế xã Thuận Châu				25.7	TBA Tiểu khu 9/100	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 5, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
XLIX	XÃ CHIỀNG LA	0	0	0	36			
281	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng La - trụ sở làm việc UBND xã Nong Lay cũ				22	TBA Cấp nước Nong Lay/180	Lộ 375E17.4	Bản Huổi Lọng, xã Chiềng La, tỉnh Sơn La
282	Công an xã Chiềng La - trụ sở làm việc UBND xã Nong Lay cũ				14	TBA Cấp nước Nong Lay/180	Lộ 375E17.4	Bản Huổi Lọng, xã Chiềng La, tỉnh Sơn La
L	XÃ NẬM LẦU	0	0	0	20			
283	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Nậm Lầu - trụ sở làm việc UBND xã Púng Tra cũ				13	TBA bản Dồm/100	Lộ 375E17.4	Bản Dồm, xã Púng Tra, tỉnh Sơn La
284	Công an xã Nậm Lầu - trụ sở làm việc Trạm y tế cũ				7	TBA bản Tăng/50	Lộ 375E17.4	Bản Tăng, xã Púng Tra, tỉnh Sơn La
LII	XÃ MUỐI NỌI	0	0	0	13.68			
285	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Muối Nọi				5	TBA Muối Nọi/160	Lộ 371E17.3	Bản Muối Nọi A, xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La
286	Công an xã Muối Nọi				9	TBA Nà Xá/100	Lộ 371E17.3	Bản Muối Nọi A, xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
LII	52 XÃ MUỜNG KHIỀNG	0	0	0	34.5			
287	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Khiêng				24	TBA Mường Khiêng/100	Lộ 375E17.3	Bản Mường Khiêng, xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La
288	Công an xã Mường Khiêng				11	TBA Mường Khiêng/100	Lộ 375E17.3	Bản Mường Khiêng, xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La
LIII	53 XÃ CO MẠ	0	0	0	42			
289	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Co Mạ				34	TBA Co Mạ/75	Lộ 371E17.4	Bản Co Mạ, xã Co Mạ, tỉnh Sơn La
290	Công an xã Co Mạ				8	TBA Co Mạ/75	Lộ 371E17.4	Bản Co Mạ, xã Co Mạ, tỉnh Sơn La
LLV	54 XÃ BÌNH THUẬN	0	0	0	12			
291	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bình Thuận				12	TBA Bình thuận 3/180	Lộ 373E17.4	Bản Kiến Xương, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La
	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bình Thuận (Chiềng Pha cũ)				14	TBA Trường Đoàn 2/75	Lộ 373E17.4	Bản Ngà phát, xã Bình Thuận
292	Công an xã Bình Thuận				8.6	TBA Bình thuận 3/180	Lộ 373E17.4	Bản Kiến Xương, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La
	Công an xã Bình Thuận (Chiềng Pha cũ)				12	TBA Trường Đoàn 2/75	Lộ 373E17.4	Bản Ngà phát, xã Bình Thuận
LV	55 XÃ MUỜNG Ế	0	0	0	19			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cáp điện/ CS	Đường dây cáp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
293	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường É				19	TBA Mường É 2/50	Lộ 373E17.4	Bản Phát Chập, xã Mường É, tỉnh Sơn La
294	Công an xã Mường É				14.76	TBA Mường É 2/50	Lộ 373E17.4	Bản Phát Chập, xã Mường É, tỉnh Sơn La
LVI	XÃ LONG HỆ	0	0	0	45			
295	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Long Hệ				35	TBA UB Long Hệ/100	Lộ 371E17.4	Bản Nậm Nhứ, xã Long Hệ, tỉnh Sơn La
296	Công an xã Long Hệ				10	TBA UB Long Hệ/100	Lộ 371E17.4	Bản Nậm Nhứ, xã Long Hệ, tỉnh Sơn La
LVII	XÃ MUỖNG BÁM	0	0	0	16			
297	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Bám				12	TBA UB Mường Bám/180	Lộ 371E17.4	Bản Nà Hát, xã Mường Bám, tỉnh Sơn La
298	Công an xã Mường Bám				4	TBA UB Mường Bám/180	Lộ 371E17.4	Bản Nà Hát, xã Mường Bám, tỉnh Sơn La
LVIII	XÃ SÔNG MÃ	120	25	100.31	671.43	E 17.30		
299	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Sông Mã				224.7	TBA UBND huyện/500	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 5 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
300	Công an xã Sông Mã				100	TBA Công an cơ sở 1/250	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 5 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
301	Ban Chỉ huy Quân sự khu vực Sông Mã - Sốp Cộp				67.8	TBA Thị trấn/400	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 5 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
302	Bệnh viện đa khoa khu vực Sông Mã				179.93	Bệnh viện Đa khoa huyện Sông Mã/250	Lộ 375E17.30	Tổ dân phố 6 xã Sông Mã tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
303	5	Bưu điện xã Sông Mã			30.4	TBA GDTX/320	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 2 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
304	6	Trung tâm Viễn thông xã Sông Mã	30	15	10	TBA GDTX/320	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 2 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
305	7	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Sông Mã			42.7	TBA Thị trấn/400	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 2 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
306	8	Chi nhánh cấp nước Sông Mã	90	10	90.31	TBA Bơm nước/250	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 1 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
307	9	Trung tâm Y tế khu vực Sông Mã			25.9	TBA TT Y tế Dự phòng/320	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 5 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
LIX	50	XÃ BÓ SINH	0	0	81.02			
308	1	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bó Sinh			61.82	TBA Bản Phóng 3/180	Lộ 373E17.30	Bản Phóng xã Bó Sinh tỉnh Sơn La
309	2	Công an xã Bó Sinh			19.2	TBA Bản Phóng 3/180	Lộ 373E17.30	Bản Phóng xã Bó Sinh tỉnh Sơn La
340	3	Trạm Y tế xã Bó Sinh				TBA Bản Phóng 3/180	Lộ 373E17.30	Bản Phóng xã Bó Sinh tỉnh Sơn La
LX	60	XÃ CHIỀNG KHUÔNG	0	0	89.5			
341	1	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Khương			67.2	TBA Thống Nhất 2/250	Lộ 375E17.30	Bản Thống Nhất xã Chiềng Khương tỉnh Sơn La
342	2	Công an xã Chiềng Khương			22.3	TBA Thống Nhất 3/180	Lộ 375E17.30	Bản Thống Nhất xã Chiềng Khương tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
343	Trạm Y tế xã Chiềng Khương				25	TBA Chiềng Khương/320	Lộ 375E17.30	Bản Chiềng Khương, xã Chiềng Khương, tỉnh Sơn La
LXI	61 XÃ MUỜNG HUNG	0	0	0	85.6			
344	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Hung				66.4	Hong Dồm/100	Lộ 375E17.30	Bản Hong Dồm xã Mường Hung tỉnh Sơn La
345	Công an xã Mường Hung				19.2	Hong Dồm/100	Lộ 375E17.30	Bản Hong Dồm xã Mường Hung tỉnh Sơn La
346	Trạm Y tế xã Mường Hung				22	Hong Dồm/100	Lộ 375E17.30	Bản Hong Dồm xã Mường Hung tỉnh Sơn La
LXII	62 XÃ CHIỀNG KHOONG	0	0	0	95.3			
347	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Khoong				74.3	Chiềng Khoong/180	Lộ 375E17.30	Bản Lướt xã Chiềng Khoong tỉnh Sơn La
348	Công an xã Chiềng Khoong				21	Chiềng Khoong/180	Lộ 375E17.30	Bản Lướt xã Chiềng Khoong tỉnh Sơn La
349	Trạm Y tế xã Chiềng Khoong					TBA Huổi Khoong I /100	Lộ 375E17.30	Bản Lè, Xã Chiềng Khoong, Tỉnh Sơn La
LXIII	63 XÃ MUỜNG LÀM	0	0	0	97.85			
350	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Làm				76.65	TBA UB Mường Làm/250kVA	Lộ 373E17.30	Bản Mường Cang xã Mường Làm tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
351	2 Công an xã Mường Lầm				21.2	TBA UB Mường Lầm/250kVA	Lộ 373E17.30	bản Mường Nưa, xã Mường Lầm, tỉnh Sơn La
352	3 Trạm Y tế xã Mường Lầm				10	TBA UB Mường Lầm/250kVA	Lộ 373E17.30	bản Mường Cang, xã Mường Lầm, tỉnh Sơn La
353	4 Trạm truyền thanh xã Mường Lầm				10	TBA Mường Nưa /180kVA	Lộ 373E17.30	bản Nà Vả, xã Mường Lầm, tỉnh Sơn La
354	5 Bưu điện xã Mường Lầm				5	TBA Mường Nưa /180kVA	Lộ 373E17.30	bản Mường Nưa, xã Mường Lầm, tỉnh Sơn La
LXIV	64 XÃ NẬM TY	0	0	0	86.3			
355	1 Đảng ủy, HĐND, UBND xã Nậm Ty				66.2	TBA Bản Pàn/250	Lộ 373E17.30	Bản Pàn xã Nậm Ty tỉnh Sơn La
356	2 Công an xã Nậm Ty				20.1	TBA Bản Pàn/250	Lộ 373E17.30	Bản Pàn xã Nậm Ty tỉnh Sơn La
LXV	65 XÃ HUỔI MỘT	0	0	0	84.1			
357	1 Đảng ủy, HĐND, UBND xã Huổi Một				62.8	Bằng Vúng/50	Lộ 373E17.30	Bản Bằng Vúng xã Huổi Một tỉnh Sơn La
358	2 Công an xã Huổi Một				21.3	Bằng Vúng/50	Lộ 373E17.30	Bản Bằng Vúng xã Huổi Một tỉnh Sơn La
LXVI	66 XÃ CHIỀNG SƠ	0	0	0	90.8			
359	1 Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Sơ				65.7	Phiêng Xa/250	Lộ 373E17.30	Bản Luẩn xã Chiềng Sơ tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
360	2 Công an xã Chiềng Sơ				25.1	Phiêng Xa/250	Lộ 373E17.30	Bản Luán xã Chiềng Sơ tỉnh Sơn La
361	Trạm Y tế xã Chiềng Sơ				24	Phiêng Xa/250	Lộ 373E17.3	Bản Luán xã Chiềng Sơ tỉnh Sơn La
LXVII	67 XÃ SÓP CỘP	80	37	43	449	E 17.30		
362	1 HEND, UBND xã Sốp cốp				65.7	TBA Ủy ban huyện/500	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
363	2 Công an xã Sốp cốp				32.8	TBA Công an/100	Lộ 371 E17.30	Bản Lốc Pòng xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
364	3 Ban Chỉ huy Quân sự khu vực Sông Mã - Sốp Cộp				31.1	TBA Bơm nước/180	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
365	4 Đoàn kinh tế Quốc phòng 326				140	TBA Sôm Pỏi/250	Lộ 371 E17.30	Bản Pỏi Lanh xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
366	Bệnh viện đa khoa khu vực Sốp Cộp				120	TBA Sốp Nặm/250	Lộ 371 E17.30	Bản Sốp Nặm xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
367	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Sốp Cộp				39.4	TBA Cang Mường/250	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
368	7 Bưu điện	25	12	10		TBA Chợ Trung tâm/250	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
369	8 Trung tâm Viễn thông Sông Mã - Sốp Cộp	30	15	8		TBA Chợ Trung tâm/250	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cáp điện/ CS	Đường dây cáp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
370	9 Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp	25	10	25		TBA Bơm nước/180	Lô 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
371	10 Trung tâm Y tế khu vực Sốp Cộp				20	TBA Phân viện/180	Lô 371 E17.30	Bản Sốp Nặm xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
LXVIII	68 XÃ PÚNG BÁNH	0	0	0	85.1			
372	1 Đảng ủy, HĐND, UBND xã Púng Bánh				65.3	Bản Kéo/180	Lô 371 E17.30	Bản Kéo xã Púng Bánh tỉnh Sơn La
373	2 Công an xã Púng Bánh				19.8	Bản Kéo/180	Lô 371 E17.30	Bản Kéo xã Púng Bánh tỉnh Sơn La
LXIX	69 XÃ MUỜNG LẠN	0	0	0	84.1			
374	1 Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Lạn				64.7	Mường Lạn/100(160)	Lô 371 E17.30	Bản Mường lạn xã Mường Lạn tỉnh Sơn La
375	2 Công an xã Mường Lạn				19.4	Mường Lạn/100(160)	Lô 371 E17.30	Bản Mường lạn xã Mường Lạn tỉnh Sơn La
LXX	70 XÃ MUỜNG LÈO	0	0	0	69.1			
376	1 Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Lèo				50.8	UB Mường Lèo/100	Lô 371 E17.30	Bản Liềng xã Mường Lèo tỉnh Sơn La
377	2 Công an xã Mường Lèo				18.3	UB Mường Lèo/100	Lô 371 E17.30	Bản Liềng xã Mường Lèo tỉnh Sơn La
LXXI	71 XÃ MUỜNG LA	96.8	49.6	63.8	458.1	E 17.3		

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
378	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường La				361	H.Ủy - Ủy ban - TT/500	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 3, xã Mường La, tỉnh Sơn La.
379	Công an xã Mường La				34.79	Ủy ban 1 - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 5, xã Mường La, tỉnh Sơn La
	Đội chữa cháy và CNCH khu vực II				15	Ủy ban 1 - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 5, xã Mường La, tỉnh Sơn La
	Trụ sở Công an huyện Mường La cũ				17	Ủy ban 1 - TT/180	Lộ 377E17.3	
380	Ban Chỉ huy Quân sự Mường La				10.4	Ủy ban 1 - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 5, xã Mường La, tỉnh Sơn La
381	Bệnh viện Mường La				13.91	BV Đa khoa -T/1000	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 4, xã Mường La, tỉnh Sơn La.
382	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Mường La	20	10	6		Tiểu khu 5 - TT/180	Lộ 377E17.3	tiểu khu 5, xã Mường La, tỉnh Sơn La
383	Bưu điện xã Mường La	8.6	8.6	5		Ngã Tư - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 2, xã Mường La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
384	Trung tâm viên thông xã Mường La	30.7	20	15.3		T16 - TT/180	Lộ 375E17.3	
385	Chi nhánh cấp nước Mường La	20	5	20		Ngã Tư - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 2, xã Mường La, tỉnh Sơn La
386	Trạm Bơm huyện Mường La	17.5	6	17.5		Nà Lóc - TT/100	Lộ 379E17.3	

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
LXXII	72 XÃ CHIỀNG LAO	15	6	5	12			
387	Đảng ủy, HĐND huyện, UBND xã Chiềng Lao	15	6	5		Huổi La 1 - CL/100	Lộ 381 E17.3	Xã Chiềng Lao, tỉnh Sơn La
388	Công an xã Chiềng Lao				12	T1 Huội Quảng - CL/180	Lộ 379 E17.3	
LXXIII	73 XÃ MUỜNG BÚ	20	9	6	28			
389	Đảng ủy, HĐND huyện, UBND xã Mường Bú	20	9	6		Bản Giản - MB/180	Lộ 375E17.3	Tại bản Tạ Búng, xã Mường Bú
390	Công an xã Mường Bú				13	Bản Giản - MB/180	Lộ 375E17.3	Tại bản Tạ Búng, xã Mường Bú
391	Trạm y tế xã Mường Bú (xã Bú cũ)				10	Mường Bú - MB/100	Lộ 375E17.3	Tại bản Tạ Búng, xã Mường Bú
	Trạm y tế xã Mường Bú (xã Mường Chùm cũ)				8		Lộ 375E17.3	Tại bản Mường Kham, xã Mường Bú
392	Bưu điện xã Mường Bú				5	Lâm trường - MB/400	Lộ 375E17.3	TK1, Lâm trường xã Mường Bú - tỉnh Sơn La
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Mường Bú				6	Lâm trường - MB/400	Lộ 375E17.3	TK1, Lâm trường, xã Mường Bú, tỉnh Sơn La
LXXIV	74 XÃ CHIỀNG HOA	14	7	5	12			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
393	Đảng ủy, HĐND huyện, UBND xã Chiềng Hoa	14	7	5		Bản Tả - CH/100	Lộ 371E17.3	Bản Tả xã Chiềng Hoa
394	Công an xã Chiềng Hoa				12	Bản Tả - CH/100	Lộ 371E17.3	Xã Chiềng Hoa
LXXV	XÃ NGỌC CHIẾN	0	0	0	30			
395	Đảng ủy, HĐND huyện, UBND xã Ngọc Chiến				18	Bản Phày - NC/180	Lộ 379E17.3	Xã Ngọc Chiến
396	Công an xã Ngọc Chiến				12	Bản Phày - C/180	Lộ 379E17.3	Xã Ngọc Chiến

Lưu ý: Đối với các khách hàng trạm bơm nước chủ yếu phục vụ dân sinh, khi hệ thống điện Quốc gia thiếu nguồn dự kiến chỉ thực hiện điều tiết vào các khung giờ cao điểm của hệ thống, các trạm bơm nước thực hiện bơm nước vào các khung giờ thấp điểm.

Phụ lục số 02
DANH SÁCH KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG ĐIỆN CHO MỤC ĐÍCH
SẢN XUẤT KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2025

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
I	2	3	4	5	6	7	8	
	Toàn tỉnh	25,202	7,896	16,618	4,724			
I	PHƯỜNG CHIỀNG CỎI	25	10	25	0			
1	Trạm bơm nước Bản Châu	25	10	25		Tỉnh ủy/320KVA	Lộ 371 E17.2	Bản Châu, phường Chiềng Cỏi, tỉnh Sơn La
II	PHƯỜNG TÔ HIỆU	330	360	320	0			
2	CN tại tỉnh Sơn La - CT CP Vimcom RETAIL	1.300	1.600	200		Vincom 1/ 1600KVA	Lộ 473E17.2	TTTT Vincom Sơn La, tổ 3, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La, Việt Nam
3	Cn Công ty Cổ phần Tập Đoàn Mường Thanh	2.000	2.000	1.200		KS Mường Thanh/ 2000KVA	Lộ 473E17.2	Số 02, đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La, Việt Nam
III	PHƯỜNG CHIỀNG SINH	630	150	630	0			
4	Công Ty TNHH MTV Sơn Hưng Trung	630	150	630		Sơn Hưng Trung/ 750KVA	Lộ 376E17.2	Tổ 3, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La, Việt Nam

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
IV	PHƯỜNG CHIỀNG AN	125	50	125	0			
5	Trạm bơm nước Bản Cọ	25	10	25		CQT Sở Công an cũ/160KVA	Lộ 473E17.2	Bản Cọ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
6	Trạm bơm nước Bản Tông	25	10	25		Bản Tông/320KVA	Lộ 371 E17.2	Bản Tông, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
7	Trạm bơm nước Là Mường	25	10	25		Là Mường/ 180KVA	Lộ 471E17.2	Bản Là Mường, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
8	Trạm bơm nước Bản Páng	25	10	25		Bản Páng/180KVA	Lộ 371 E17.67	Bản Páng, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
9	Trạm bơm nước Bản Panh	25	10	25		Chiềng Xôm/ 250KVA	Lộ 371 E17.2	Bản Panh, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
V	XÃ MAI SƠN	6,980	1,065	6,146	2,241			
8	Công ty CP thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	986	300	200		Trạm biến áp DoVeCo	Lộ 378E17.2	Xã Hát Lót, tỉnh Sơn La
9	CT TNHH đầu tư và xây dựng Sông Lam	5.834	2.650	5.834		CT TNHH đầu tư và xây dựng Sông Lam	Lộ 173E17.6	
11	Công ty TNHH chăn nuôi Minh Thuý – Cò Nòi				2,230	Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao Minh Thuý Cò Nòi	Lộ 375E17.62	Bản Nà Sắng xã Hát Lót, tỉnh Sơn La
12	CTCP Mía đường Sơn La	1.600	500	1.230		Mía đường	Lộ 375E17.62	

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lấp 3 giá			
VI	XÃ CHIỀNG MUNG	8.485	2.175	3.911,98	8.485			
13	TT dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	3.141	1.750	1.980		TBA khu CN Mai Sơn/	Lộ 378E17.2	
14	Chi nhánh CT CP Tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La	1.091	750	830		Tinh bột sắn 2	Lộ 373E17.62	
15	Chi nhánh CT CP Tinh Bột Sắn Phú Yên - NM Tinh Bột Sắn Sơn La	3.830	1.500	2.830		Tinh Bột Sắn 3,4	Lộ 373E17.62	
16	Công ty cổ phần gạch Mai Sơn	423	100	250		TBA Nhà Máy Gạch Mưòng Bon/1500	Lộ 373E17.62	
VII	XÃ CHIỀNG MAI	0	0	0	10.14,56			
17	Phan Thị Quỳnh Hoa - DNTN xây dựng Kim Thành				885	TBA Kim thành/400+250+630	Lộ 373E17.2	
18	Chi nhánh CTTNHH MTV QLKT CT Thủy Lợi Sơn La				130	TBA Đập Thủy lợi Chiềng Dong/400	Lộ 373E17.2	
VIII	XÃ MƯỜNG CHANH	500	700	300	500			
19	Công ty CP Chăn nuôi Minh Thủy Chiềng Chung	500	700	300	500	TBA Chăn nuôi Minh Thủy Chiềng Chung/400+750	Lộ 373E17.2	
IX	PHƯỜNG THẢO NGUYÊN	1.972	1.410	900	0			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
20	N.M Sữa UHT 3	200	130	150		N.M Sữa UHT 3/1600	Lộ 478E17.1	Số 912 đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
21	N.M Sữa UHT 1	572	180	150		N.M Sữa UHT 1/750	Lộ 478E17.1	Số 912 đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
22	Khách sạn Mường Thanh	1.200	1.100	600		KS Mường Thanh/1500	Lộ471E17.1	Tổ dân phố Nhà nghỉ, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
X	XÃ VÂN HỒ	0	0	0	11			
23	Công ty TNHH TM&XD Thái Sơn (Bơm nước Hang Trùng)				11	BN Hang Trùng/31	Lộ 472E17.1	Bản Hang Trùng, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
XI	XÃ TÔ MÚA	0	0	0	24			
24	UBND xã Tô Múa (Trạm bơm Liên Hưng và Bản Đạo)				24	UBND xã Tô Múa/320	Lộ 374E17.1	Tiểu khu Trung tâm, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La
XII	XÃ XUÂN NHA	2.500	2.100	2.000	0			
25	Công ty cổ phần chăn nuôi Minh Thụy	2.500	2.100	2.000		Chăn nuôi Minh Thụy/2x750+1x560	Lộ 472 E17.1	Bản Nà An, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La
XIII	XÃ CHIỀNG SƠN	250	230	210	0			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
25	Công ty MTG	250	230	210		Công ty MTG /320	Lộ 372E17.1	Bản Co Phương, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La
XIV	XÃ PHÙ YÊN	950	130	480	0			
26	Công ty CP Giấy Ngọc Hà (giấy da 3)	250	30	150		Giấy Da 2	Lộ 375 E17.5	
27	Công ty CP giấy Ngọc Hà (giấy da 1)	350	50	180		Giấy Da 1	Lộ 375 E17.5	
28	Công ty TNHH May Phù Yên	350	50	150		TBA May Tâm Việt/560	Lộ 371 E17.5	
XV	XÃ SÔNG MÃ	967	150	780	0			
29	Công ty TNHH thương mại và xây dựng Thái Sơn (trạm Bơm nước Chiềng Khương)	150	0	150		Bơm nước Chiềng Khương/180	Lộ 375 E17.30	Bản Chiềng Khương xã Chiềng Khương tỉnh Sơn La
30	Công ty Cổ phần Quyết Tiến Sông Mã	817	150	630		TBA Tuynel Quyết Tiến/1000	Lộ 375 E17.30	Tổ dân phố 6 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
XVI	XÃ MUỜNG LA	250	75	0	0			
31	Công ty Cổ phần May Tiên Sơn - Mường La (Điện Mặt trời MN)	250	75	0		Công Ty CP May ML/1000	Lộ 377 E17.3	

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
XVII	XÃ MUỜNG BÚ	0	0	0	60			
32	Trạm bơm nước bản Chón (Hua Bó)				15	Bản Chón - MB/75	371 E17.2 Sơn la	Bản Chón - xã Muờng Bú - tỉnh Sơn La
33	Trạm cấp nước sinh hoạt Bản Cúp				15	Bản Cúp - MB/100	Lộ 375E17.3	Bản Cúp - xã Muờng Bú - tỉnh Sơn La
34	Trạm lọc nước sạch bản Giàn				15	Lâm trường 2 - MB/160	Lộ 375E17.3	Bản Giàn - xã Muờng Bú - tỉnh Sơn La
35	Trạm lọc nước sạch (bản Muờng Bú, Búng Diễn) Hà Đức Mạnh				15	Muờng Bú - MB/100	Lộ 375E17.3	Bản Búng Diễn - xã Muờng Bú - tỉnh Sơn La
	XÃ THUẬN CHÂU	778	350	370	0			
36	Trạm bơm nước cao su	120	0	120		Bơm nước cao su/250	Lộ 375 E17.4	
37	NM chế biến mủ cao su	658	350	250		Cao su Sơn La/500	Lộ 375 E17.4	
XVIII	XÃ BẮC YÊN	460	350	420	0			
38	Trại chăn nuôi Cao Đa	460	350	420		Trại chăn nuôi Cao Đa/750	Lộ 373 E17.5	
XIX	XÃ YÊN CHÂU	0	0	0	2170			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
39	Công ty Cổ phần Giấy Yên Châu				1,120	Giấy da Yên Châu/1500	Lộ 373E17.66	
40	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu				1,050	Nhà máy gạch Tuynen YC/1500	Lộ 371E17.66	
XX	XÃ CHIỀNG HẠC	0	0	0	218			
41	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chăn nuôi Chiềng Hắc				218	Chăn nuôi CH/250	Lộ 373E17.66	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 421/TTr-SKH-CN ngày 12 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2026.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường quyết định ban hành kế hoạch (hoặc sửa đổi, bổ sung kế hoạch đã ban hành) để cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả, hoàn thành gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp theo dõi **trước ngày 10 tháng 01 năm 2026**; định kỳ hàng quý, năm báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch với UBND tỉnh để có giải pháp chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2026**

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;
- Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 3605/QĐ-BKHCN ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính (giai đoạn 2025 - 2026);
- Công văn số 5511/BKHCN-CDSQG ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.
- Thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Kế hoạch, Kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số, các phiên họp toàn thể, chuyên đề của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo 1287). Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện và triển khai hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Các cấp, các ngành, các doanh nghiệp thường xuyên tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân về chủ trương của Đảng, nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị về chuyển đổi số.

- Xây dựng, phát hành các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương; xây dựng phóng sự phát thanh, truyền hình tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; thông qua các hội nghị, hội thảo, hội thi, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026; thông qua việc chia sẻ các sáng kiến, cách làm hay, mô hình điển hình hiệu quả về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân; thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn của Tổ công nghệ số cộng đồng. Triển khai hiệu quả phong trào thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030.

3. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng (*sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương*); cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng thủ tục hành chính trực tuyến.

4. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số

Ưu tiên đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng số đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh, phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025 - 2030, trong đó tập trung:

- Đôn đốc, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển hạ tầng băng rộng di động, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ băng rộng di động.

- Tập trung xây dựng, phát triển kho dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực; kết nối, liên thông dữ liệu tiến tới từng bước quản lý điều hành dựa trên dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp.

- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT như: máy tính cá nhân, máy scan, photo, mạng LAN,... cho các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu công việc trên môi trường mạng. Đặc biệt là nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Ứng dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững

- Triển khai tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như: giao thông vận tải, năng lượng, y tế, giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.

5. Xây dựng chính quyền số

- Nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung đảm bảo nhanh hơn, mạnh hơn, phục vụ kịp thời cho hoạt động của hệ thống chính trị trên môi trường mạng, bao gồm: (1) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã; (2) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; (3) Hệ thống Cổng thông tin điện tử; (4) Cổng dữ liệu mở tỉnh; (5) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; (6) Hệ thống thông tin báo cáo kinh tế xã hội; (7) Hệ thống thông tin phục vụ họp-eCabinet.

- Phát triển Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng AI phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến toàn trình. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử và thanh toán trực tuyến.

- Triển khai các Hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, phấn đấu mỗi ngành lựa chọn ưu tiên xây dựng 01-2 dữ liệu cần thiết nhất để ưu tiên bố trí nguồn lực triển khai thực hiện. Triển khai chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La; xây dựng CSDL đất đai, khoa học công nghệ, giao thông, xây dựng, tư pháp, công thương, tài chính, văn hóa, thể thao, du lịch, công chức, viên chức...

6. Phát triển kinh tế số

Thúc đẩy phát triển kinh tế số, bao gồm: (i) Kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực; (ii) Kinh tế số công nghiệp CNTT và dịch vụ viễn thông; (iii) Kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu và các dịch vụ trực tuyến trên mạng. Trong đó, tập trung vào các hoạt động:

- Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ hợp tác xã, nông dân ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, tham gia sàn thương mại điện tử.
- Triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng một số sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh.
- Xây dựng Nền tảng số Du lịch thông minh. Xây dựng bảo tàng số ứng dụng công nghệ AI để khai thác, phát huy giá trị hiện vật.
- Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử...

7. Từng bước xây dựng, hình thành xã hội số

Hình thành xã hội số với các đặc trưng cơ bản gồm: **(i) Công dân số** (*danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số*); **(ii) Kết nối số** (*tỷ lệ dân số được phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng và tỷ lệ người dùng Internet*). **(iii) Văn hóa số** (*mức độ sử dụng dịch vụ số trên mạng, mức độ sử dụng các dịch vụ y tế số, giáo dục số của người dân*). Trong đó, tập trung vào các hoạt động cụ thể như:

- Triển khai Hệ thống học bạ số trong các trường phổ thông và Trung tâm Giáo dục thường xuyên (*Tiểu học, THCS, THPT, GDTX*).
- Mua sắm trang bị cho phòng học thông minh (*năm 2026 tập trung triển khai tại các trường cấp THPT, xây dựng dữ liệu các bài giảng điện tử*).
- Triển khai hồ sơ Bệnh án điện tử trên địa bàn tỉnh Sơn La.
- Tiếp tục triển khai Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp thẻ BHYT trên ứng dụng VNeID cho toàn bộ công dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, có tham gia BHYT khi tham gia khám chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai phòng khám trực tuyến, kết nối liên thông một số bệnh viện tuyến tỉnh với bệnh viện tuyến Trung ương
- Tiếp tục triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh theo Đề án đã được phê duyệt.
- Đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ chữ ký số cho cá nhân, tổ chức để thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới sử dụng trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử

8. An toàn thông tin mạng

Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các HTTT, CSDL do các sở, ngành quản lý, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

9. Phát triển nhân lực số

- Triển khai các giải pháp phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Sơn La.

- Triển khai tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên trách và trực tiếp triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp.

10. Hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

- Tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối về chuyển đổi số. Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

- Tham gia diễn đàn, hội thảo, hợp tác, học tập kinh nghiệm chuyển đổi số với các địa phương. Tham gia các diễn đàn, học tập kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế về chuyển đổi số.

(chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học. Đẩy mạnh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”, “Chuyển đổi số tỉnh Sơn La” trên Cổng, Trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội, qua đó thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; phát động và triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan,

địa phương, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số. Triển khai các biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch, ...

- Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, thành lập tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ tại 100% xã, phường. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang, giáo viên, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia hỗ trợ nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

4. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng số. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (*Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp*).

- Huy động nguồn lực của các Tập đoàn viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng số. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

5. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

Triển khai các hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế về chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (*thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế...*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thống nhất chỉ đạo triển khai các chương trình, dự án về chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước để tránh chồng chéo, lãng phí.

- Chủ trì, tham mưu Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xây dựng Kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của các sở, ban, ngành, xã, phường, báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm, nền tảng dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, đánh giá hiệu quả sử dụng để nhân rộng.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của tỉnh.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm cho các đơn vị sau khi có đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan và theo chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành có thẩm quyền; đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số trình UBND tỉnh phê duyệt (nếu có).

4. Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch chuyển đổi số đơn vị, địa phương mình đảm bảo phù hợp với Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh, **hoàn thành trước ngày 10 tháng 01 năm 2026**. Chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch thuộc cơ quan, đơn vị, lĩnh vực quản lý

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; thực hiện tự kiểm tra, theo dõi tình hình triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp vị trí việc làm, phân công cán bộ lãnh đạo, chuyên viên có năng lực tham mưu, kiến thức chuyên môn làm đầu mối phụ trách lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng đáp ứng yêu cầu về chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Sơn La.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Khi đầu tư dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các nền tảng, phần mềm do Bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp Tỉnh đến Trung ương.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

6. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ hàng quý (*trước ngày 05 tháng cuối quý*) hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Phụ lục I
CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG SỐ				
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	12,1% (dự kiến đến ngày 31/12/2025 đạt 16%)	44,65%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	58,65% (dự kiến đến ngày 31/12/2025 đạt 60%)	72%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn
II	PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC				
1	Tỷ lệ chi cho chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách địa phương	1,02%	Đảm bảo bố trí ít nhất 1%	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã được tập huấn kỹ năng số cơ bản	100%; 97,4%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ viên chức cấp tỉnh, cấp xã được tập huấn kỹ năng số cơ bản	-	50%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ công chức phụ trách công tác chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp xã được bồi dưỡng chuyên sâu	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
5	Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã được tập huấn kỹ năng số cơ bản	30%	60%	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành
6	Tỷ lệ học sinh từ bậc THPT, sinh viên được tập huấn kỹ năng số cơ bản từ bậc THPT	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đơn vị có liên quan

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7	Tỷ lệ thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn kỹ năng số cơ bản; 100% lực lượng nòng cốt của Tổ công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng ít nhất 01 khóa kỹ năng số trong năm	100%	100%	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông				
8.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế	21,78%	80%	Sở Y tế	UBND cấp xã
8.2	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giáo dục	-	80%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã
8.3	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong bảo hiểm	82%	80%	Bảo hiểm xã hội tỉnh	UBND cấp xã
8.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giao thông	-	80%	Sở Xây dựng	UBND cấp xã
III	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ, KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ				
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
3	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	51,43%	≥ 70%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	95,21%	≥ 95%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	90,46%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình phải xử lý trực tuyến, ký số chuyên dùng kết quả và trả kết quả trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	-	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
7	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	66,67%	≥ 70%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương	-	≥ 50%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung của các sở, ban, ngành được tích hợp, kết nối, chia sẻ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	24%	≥ 35%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Tỷ lệ chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	≥ 60%	100%	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã phải xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc	≥ 94%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
12	Tỷ lệ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung	100%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
13	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương ứng dụng công nghệ số	$\geq 30\%$	$\geq 40\%$	Các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, UBND cấp xã
14	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	51,35%	65%	Công an tỉnh	UBND cấp xã
15	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	3,36%	4%	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã
16	Quy mô kinh tế số trong GRDP	8%	9%	Các sở, ban, ngành	Sở Tài chính

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I	CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ				
1	Xây dựng và triển khai, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo 1287)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	- Kế hoạch công tác năm 2026 - Báo cáo định kỳ và đột xuất	- Kế hoạch: Tháng 01/2026 - Báo cáo: Quý, 6 tháng, năm và đột xuất
2	Bổ sung, hoàn thiện, triển khai, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	- Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 - Báo cáo định kỳ và đột xuất	- Kế hoạch: Trước 10/01/2026 - Báo cáo: Quý, 6 tháng, năm và đột xuất
3	Kiểm tra, giám sát của các cấp chính quyền đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số	Ban Chỉ đạo 1287 tỉnh; Ban Chỉ đạo các sở, ngành, xã, phường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	- Kế hoạch kiểm tra năm 2026 - Báo cáo, kết luận kiểm tra	Trước 30/11/2026
4	- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số. - Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số	- Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thông tin công khai, tuyên truyền rộng rãi trên báo, đài và hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
II	TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ				
1	Tham gia Cuộc thi tìm hiểu “Kiến thức số” tỉnh Sơn La năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh	Báo cáo kết quả tham gia	Năm 2026
2	Tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, của ngành, lĩnh vực, địa phương	Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La, Trung tâm thông tin tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	Tin, bài, phóng sự, Video clip, Infographic	Thường xuyên
3	Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	- Kế hoạch triển khai - Báo cáo kết quả	- Quý III/2026 - Tháng 10/2026
4	Thúc đẩy phong trào thi đua chuyển đổi số, gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số để các cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Sáng kiến, Đề tài, mô hình... về chuyển đổi số được công nhận	Thường xuyên
III	THẺ CHẾ, CHÍNH SÁCH SỐ				
1	Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (khi có thay đổi)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ban hành Danh mục	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2	Nghiên cứu, đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng <i>(sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương)</i>	Sở Tài Chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nghị quyết, Quyết định	Năm 2026
3	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng thủ tục hành chính trực tuyến	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Nghị quyết, Quyết định	Năm 2026
IV	ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ				
1	Triển khai phủ sóng 4G cho 100% bản, tiểu khu, tổ dân phố, trên 44% được phủ sóng 5G	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026
2	Ban hành danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thông báo Danh mục	Quý I/2026
3	Xây dựng, phát triển Kho dữ liệu của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kho dữ liệu dùng chung	Năm 2026
4	Tích hợp, kết nối, liên thông CSDL, dữ liệu của các ngành, lĩnh vực với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và Kho dữ liệu của tỉnh, từng bước quản lý điều hành dựa trên dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	CSDL, dữ liệu ngành được kết nối, liên thông	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT như: máy tính cá nhân, máy scan, photo, mạng LAN,...cho các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu công việc trên môi trường mạng. Ưu tiên nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả đầu tư trang thiết bị	Năm 2026
6	Ứng dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2026
7	Triển khai tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như: giao thông vận tải, năng lượng, y tế, giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng	Các sở: Xây dựng, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2026
V	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	Nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung đảm bảo nhanh hơn, mạnh hơn, phục vụ kịp thời cho hoạt động của hệ thống chính trị trên môi trường mạng, bao gồm: - (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; (2) Hệ thống Công thông tin điện tử; (3) Hệ thống thông tin báo cáo kinh tế xã hội; (4) Hệ thống thông tin phục vụ họp-eCabinet	- Văn phòng UBND tỉnh - Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các hệ thống dùng chung của tỉnh được duy trì, vận hành ổn định	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	- (1) Công dữ liệu mở tỉnh; (2) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; (3) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã				
2	Xây dựng phát triển Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị có liên quan	Trung tâm điều hành thông minh tỉnh	Năm 2026
3	Đẩy mạnh ứng dụng AI phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường		Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2026
4	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến toàn trình. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử và thanh toán trực tuyến	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Đạt tỷ lệ 70% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình	Năm 2026
5	Triển khai các Hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành				
-	Chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các HTTT, CSDL	Năm 2026
-	Xây dựng CSDL đất đai				
-	HTTT, CSDL khoa học và công nghệ (hạ tầng viễn thông, bưu chính, HTTT, dữ liệu mở, nhiệm vụ đề tài KHCN, sở hữu trí tuệ, sáng kiến, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, HTTT hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyên đổi số tỉnh Sơn La; HTTT báo cáo ngành khoa học công nghệ ...)	Sở Khoa học và Công nghệ			

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
-	HTTT, CSDL giao thông, xây dựng	Sở Xây dựng			
-	HTTT, CSDL Tư pháp	Sở Tư pháp			
-	HTTT, CSDL Công thương	Sở Công Thương			
-	HTTT, CSDL về quản lý đầu tư, tài chính	Sở Tài chính			
-	HTTT, CSDL về cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ			
-	HTTT, CSDL về văn hóa, thể thao, du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
VI	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ				
1	Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ hợp tác xã, nông dân ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đơn vị có liên quan	Các hoạt động hỗ trợ; báo cáo kết quả	Năm 2026
2	Hỗ trợ hợp tác xã, nông dân tham gia sản thương mại điện tử	Sở Công thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các hoạt động hỗ trợ; báo cáo kết quả	Năm 2026
3	Triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng một số sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Quý II/2026
4	Xây dựng Nền tảng số Du lịch thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đơn vị có liên quan	Nền tảng số Du lịch thông minh tỉnh Sơn La	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5	Xây dựng bảo tàng số ứng dụng công nghệ AI để khai thác, phát huy giá trị hiện vật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đơn vị có liên quan	Bảo tàng số tỉnh Sơn La	Năm 2026
6	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử...	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Ngân hàng Nhà nước khu vực 3; Thuế tỉnh Sơn La	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026
VII	TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG, HÌNH THÀNH XÃ HỘI SỐ				
1	Triển khai Hệ thống học bạ số trong các trường phổ thông và Trung tâm GDTX (Tiểu học, THCS, THPT, GDTX)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đơn vị có liên quan	Học bạ số	Năm 2026
2	Mua sắm trang bị cho phòng học thông minh (năm 2026 tập trung triển khai tại các trường cấp THPT, xây dựng dữ liệu các bài giảng điện tử)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đơn vị có liên quan	Phòng học thông minh, bài giảng điện tử	Năm 2026
3	Triển khai hồ sơ Bệnh án điện tử trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Đơn vị có liên quan	Bệnh án điện tử tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh	Năm 2026
4	Tiếp tục triển khai Sở sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp thẻ BHYT trên ứng dụng VNeID cho toàn bộ công dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, có tham gia BHYT khi tham gia khám chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Đơn vị có liên quan	Số sức khỏe điện tử; báo cáo kết quả định kỳ	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5	Triển khai phòng khám trực tuyến, kết nối liên thông một số bệnh viện tuyến tỉnh với bệnh viện tuyến Trung ương	Sở Y tế	Đơn vị có liên quan	Phòng khám trực tuyến tại cấp tỉnh; báo cáo kết quả hoạt động	Năm 2026
6	Tiếp tục triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh theo Đề án đã được phê duyệt	Sở Y tế	Đơn vị có liên quan	Mô hình bệnh viện thông minh; báo cáo kết quả triển khai	Năm 2026
7	Đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ chữ ký số cho cá nhân, tổ chức để thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới sử dụng trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ, Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng Tổ công nghệ số cộng đồng	Báo cáo của UBND xã, phường về tỷ lệ cá nhân, tổ chức trên địa bàn đã được cấp chữ ký số	Năm 2026
VIII	AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG				
1	Hình thành Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Trung tâm An ninh mạng tỉnh Sơn La; Báo cáo kết quả triển khai, hoạt động	Năm 2026
2	Triển khai hoạt động của đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Kế hoạch; báo cáo kết quả hoạt động	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
3	Triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động	Năm 2026
4	Theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống bảo đảm an ninh, an toàn	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động	Năm 2026
5	Duy trì hệ thống Giám sát an ninh mạng (SOC) của tỉnh	Công an tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Hệ thống SOC của tỉnh, báo cáo kết quả hoạt động	Năm 2026
6	Duy trì và mở rộng Hệ thống phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hệ thống phòng, chống mã độc của tỉnh, báo cáo kết quả hoạt động	Năm 2026
7	Kiểm tra, tập huấn hoặc diễn tập phòng chống tấn công mạng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Các cuộc kiểm tra, diễn tập, báo cáo kết quả	Năm 2026
8	Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ)	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kết nối với Hệ thống giám sát của Trung ương	Năm 2026
IX	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ				

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện định kỳ	Tháng 01/2026 và năm 2026
2	Thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai	Tháng 11/2026
X	HỢP TÁC, LIÊN KẾT VÙNG, QUỐC TẾ				
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối về chuyển đổi số. Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	Hội nghị, hội thảo, tọa đàm...	Năm 2026
2	Tham gia diễn đàn, hội thảo, hợp tác, học tập kinh nghiệm chuyển đổi số với các địa phương	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả tham gia	Năm 2026
3	Tham gia các diễn đàn, học tập kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả tham gia	Năm 2026

DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I			
CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHUYÊN ĐỔI SỐ			
1	Bổ sung, hoàn thiện, triển khai, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh	- Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 - Báo cáo định kỳ và đột xuất	- Kế hoạch: Trước ngày 10/01/2026 - Báo cáo: Quý, 6 tháng, năm và đột xuất
2	Kiểm tra, giám sát của các cấp chính quyền đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số	- Kế hoạch kiểm tra năm 2026 - Báo cáo, kết luận kiểm tra	Trước 30/11/2026
II			
TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ			
1	Tham gia Cuộc thi tìm hiểu “Kiến thức số” tỉnh Sơn La năm 2026	Báo cáo kết quả tham gia	Năm 2026
2	Tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, của ngành, lĩnh vực, địa phương	Tin, bài, phóng sự, Video clip, Infographic	Thường xuyên
3	Thúc đẩy phong trào thi đua chuyển đổi số, gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số để các cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia	Sáng kiến, Đề tài, mô hình...về chuyển đổi số được công nhận	Thường xuyên
III			
ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ			
1	Phối hợp triển khai phủ sóng 4G cho 100% bản, tiểu khu, tổ dân phố, trên 44% được phủ sóng 5G	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT như: máy tính cá nhân, máy scan, photo, mạng LAN,...cho các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu công việc trên môi trường mạng. Ưu tiên nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Báo cáo kết quả đầu tư trang thiết bị	Năm 2026
V	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ		
1	Triển khai hiệu quả hệ thống thông tin dùng chung phục vụ kịp thời cho hoạt động của cơ quan, đơn vị trên môi trường mạng, bao gồm: - (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; (2) Trang Cổng thông tin điện tử của sở, ngành; (3) Hệ thống thông tin báo cáo kinh tế xã hội; (4) Hệ thống thông tin phục vụ họp-eCabinet; (5) Công dữ liệu mở tỉnh; (6) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; (7) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2026
2	Đẩy mạnh ứng dụng AI phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2026
3	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến toàn trình. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử và thanh toán trực tuyến	Đạt tỷ lệ 70% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình	Năm 2026
4	Cập nhật, quản lý thông tin, dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành: Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Xây dựng; Tư pháp; Công thương; Tài chính; Nội vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc địa bàn quản lý	Dữ liệu của địa phương được cập nhật trên các HTTT, CSDL	Năm 2026
VI	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ		
1	Phối hợp triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ hợp tác xã, nông dân ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất	Các hoạt động hỗ trợ; báo cáo kết quả	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2	Phối hợp hỗ trợ hợp tác xã, nông dân tham gia sản thương mại điện tử	Các hoạt động hỗ trợ; báo cáo kết quả	Năm 2026
3	Phối hợp triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng một số sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh	Báo cáo kết quả triển khai trên địa bàn	Quý II/2026
4	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử...	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026
VII	TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG, HÌNH THÀNH XÃ HỘI SỐ		
1	Phối hợp triển khai Hệ thống học bạ số trong các trường phổ thông và Trung tâm GDTX (Tiểu học, THCS, THPT, GDTX)	Báo cáo kết quả triển khai trên địa bàn	Năm 2026
2	Phối hợp triển khai hồ sơ Bệnh án điện tử trên địa bàn tỉnh	Báo cáo kết quả triển khai trên địa bàn	Năm 2026
3	Phối hợp triển khai Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp thẻ BHYT trên ứng dụng VNeID cho toàn bộ công dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, có tham gia BHYT khi tham gia khám chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh	Báo cáo kết quả triển khai trên địa bàn	Năm 2026
4	Đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ chữ ký số cho cá nhân, tổ chức để thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới sử dụng trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử	Báo cáo của UBND xã, phường về tỷ lệ cá nhân, tổ chức trên địa bàn đã được cấp chữ ký số	Năm 2026
VIII	AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG		
1	Triển khai cài đặt Hệ thống phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2026
2	Tham gia tập huấn hoặc diễn tập phòng chống tấn công mạng	Báo cáo kết quả tham gia	Năm 2026
IX	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ		

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp	Báo cáo kết quả triển khai	Tháng 11/2026
X	HỢP TÁC, LIÊN KẾT VÙNG, QUỐC TẾ		
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối về chuyển đổi số. Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi	Hội nghị, hội thảo, tọa đàm...	Năm 2026
2	Tham gia diễn đàn, hội thảo, hợp tác, học tập kinh nghiệm chuyển đổi số với các địa phương	Báo cáo kết quả tham gia	Năm 2026

08 NHÓM NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo 1287). Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện và triển khai hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát của các cấp chính quyền đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Tổ chức Cuộc thi tìm hiểu “Kiến thức số” tỉnh Sơn La năm 2026

- Tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, của ngành, lĩnh vực; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân, các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng.

- Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026

- Thúc đẩy phong trào thi đua chuyển đổi số, gắn kết CCHC với chuyển đổi số để các cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia.

3. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số

- Đôn đốc, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển hạ tầng băng rộng di động, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ băng rộng di động: Phủ sóng 4G cho 100% bản, tiểu khu tổ dân phố, trên 44% được phủ sóng 5G.

- Tập trung xây dựng, phát triển kho dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu các ngành, kết nối liên thông dữ liệu tiến tới từng bước quản lý điều hành dựa trên dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp.

- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT như: máy tính cá nhân, máy scan, photo, mạng LAN,...cho các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu công việc trên môi trường mạng. Đặc biệt là nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Triển khai tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như: giao thông vận tải, năng lượng, y tế, giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.

4. Xây dựng chính quyền số

- Nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung đảm bảo nhanh hơn, mạnh hơn, phục vụ kịp thời cho hoạt động của hệ thống chính trị trên môi trường mạng, bao gồm: (1) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã; (2) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; (3) Hệ thống Cổng thông tin điện tử; (4) Cổng dữ liệu mở tỉnh; (5) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; (6) Hệ thống thông tin báo cáo kinh tế xã hội; (7) Hệ thống thông tin phục vụ họp-eCabinet (8) Xây dựng phát triển Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh (IOC). Đẩy mạnh ứng dụng AI phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến toàn trình. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử và thanh toán trực tuyến.

- Triển khai các Hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, phấn đấu mỗi ngành lựa chọn ưu tiên xây dựng 01-2 dữ liệu cần thiết nhất để ưu tiên bố trí nguồn lực triển khai thực hiện. Triển khai chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La; xây dựng CSDL đất đai, khoa học công nghệ, giao thông, xây dựng, tư pháp, công thương, tài chính, văn hóa, thể thao, du lịch, công chức, viên chức...

5. Phát triển kinh tế số

Thúc đẩy phát triển kinh tế số, bao gồm: (i) Kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực; (ii) Kinh tế số công nghiệp CNTT và dịch vụ viễn thông; (iii) Kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu và các dịch vụ trực tuyến trên mạng. Trong đó, tập trung vào các hoạt động phát triển kinh tế số như:

- Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ hợp tác xã, nông dân ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, tham gia sàn thương mại điện tử.

- Triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng một số sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

- Xây dựng Nền tảng số Du lịch thông minh. Xây dựng bảo tàng số ứng dụng công nghệ AI để khai thác, phát huy giá trị hiện vật.

- Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử...

6. Từng bước xây dựng, hình thành xã hội số

Hình thành xã hội số với các đặc trưng cơ bản gồm: **(i) Công dân số** (*danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số*); **(ii) Kết nối số** (*tỷ lệ dân số được phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng và tỷ lệ người dùng Internet*). **(iii) Văn hóa số** (*mức độ sử dụng dịch vụ số trên mạng, mức độ sử dụng các dịch*

vụ y tế số, giáo dục số của người dân). Trong đó, tập trung vào các hoạt động cụ thể như:

- Triển khai Hệ thống học bạ số trong các trường phổ thông và Trung tâm GDTX (Tiểu học, THCS, THPT, GDTX).
- Mua sắm trang bị cho phòng học thông minh (năm 2026 tập trung triển khai tại các trường cấp THPT) (tập trung xây dựng dữ liệu các bài giảng điện tử).
- Triển khai hồ sơ Bệnh án điện tử trên địa bàn tỉnh Sơn La.
- Tiếp tục triển khai Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp thẻ BHYT trên ứng dụng VNeID cho toàn bộ công dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, có tham gia BHYT khi tham gia khám chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai phòng khám trực tuyến, kết nối liên thông một số bệnh viện tuyến tỉnh với bệnh viện tuyến Trung ương.
- Tiếp tục triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh theo Đề án đã được phê duyệt.
- Đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ chữ ký số cho cá nhân, tổ chức để thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới sử dụng trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử

7. An toàn thông tin mạng

Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các HTTT, CSDL do các sở, ngành quản lý, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

8. Phát triển nhân lực số

Triển khai các giải pháp phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Sơn La.

Triển khai tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên trách và trực tiếp triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn
phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Sơn La năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 320-KH/TU ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai, thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 456/TTr-SKH-CN ngày 30 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Sơn La năm 2026.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý. Hoàn thành trước ngày 20 tháng 01 năm 2026, báo cáo UBND tỉnh (gửi Kế hoạch đã ban hành về Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH
Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số để phát triển
nguồn nhân lực chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2026

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định rõ đối tượng, hình thức, nội dung bồi dưỡng, tập huấn để phát triển nguồn nhân lực số, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số.

2. Yêu cầu

- Bám sát vào các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026; Kế hoạch Bình dân học vụ số của tỉnh.

- Rõ trách nhiệm, rõ đầu mối, phân công cụ thể đến từng sở, ban, ngành, UBND cấp xã và Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại bản, tiểu khu.

- Đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, phù hợp nguồn lực tài chính, nhân lực và điều kiện triển khai thực tế.

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU NĂM 2026

1. Mục tiêu tổng quát

Từng bước nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã được tập huấn kỹ năng số cơ bản ¹
- 50% viên chức cấp tỉnh, cấp xã được tập huấn kỹ năng số cơ bản ²
- 100% công chức phụ trách công tác chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp xã được bồi dưỡng chuyên sâu. ³
- 60% doanh nghiệp, hợp tác xã được tập huấn kỹ năng số cơ bản ⁴
- 100 % học sinh từ bậc THPT và sinh viên được tập huấn kỹ năng số cơ bản.

¹ Tại Kế hoạch 142/KH-UBND: năm 2025 phải đạt 100%; Tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2025 – 2027: 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản

² Tại Kế hoạch 142/KH-UBND: phải đạt 100% vào năm 2030

³ Tối thiểu 90 người: mỗi sở/xã = 1 người); Tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2025 - 2027: 50%; giai đoạn 2028 – 2030 :100% cán bộ chuyên trách về CNTT, CĐS của bộ, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.;

⁴ Tại Kế hoạch 142/KH-UBND: Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số đạt >60% đến hết năm 2030.

- 100% thành viên tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn kỹ năng số cơ bản;⁵
- 100% lực lượng nòng cốt của Tổ chuyển đổi số cộng đồng được bồi dưỡng ít nhất 01 khóa kỹ năng số trong năm.⁶

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đối tượng

- Lãnh đạo các sở, ban, ngành; lãnh đạo UBND cấp xã.
- Lãnh đạo phòng, đơn vị trực thuộc cấp sở, cấp xã.
- Công chức phụ trách chuyển đổi số cấp sở, cấp xã.
- Công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành và UBND cấp xã.
- Thành viên; lực lượng nòng cốt của Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại bản, tiểu khu, tổ dân phố.
- Lãnh đạo và người lao động thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.
- Học sinh từ bậc THPT, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và cơ sở dạy nghề.

2. Nội dung bồi dưỡng, tập huấn

a) Tập huấn kỹ năng số cơ bản (*theo khung kỹ năng số tại Quyết định 757/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 4 năm 2025 ban hành Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và Hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số*). *Cụ thể:*

**) Lãnh đạo cấp sở, cấp xã:*

- Nhận thức số.
- Khai thác dữ liệu và thông tin, quản lý điều hành dựa trên dữ liệu.
- Đảm bảo an toàn, an ninh mạng.
- Giải quyết vấn đề nhờ ứng dụng công nghệ số.

**) Lãnh đạo phòng, đơn vị trực thuộc cấp sở, cấp xã.*

- Nhận thức số.
- Khai thác dữ liệu và thông tin.
- Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.
- Đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

**) Công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan Nhà nước:*

- Nhận thức số.

⁵ Số lượng: Tối thiểu là 05 người, gồm: Tổ trưởng: Là Trưởng ban/Tiểu khu trưởng/Tổ trưởng tổ dân phố; Tổ phó: Là Bí thư Chi đoàn thanh niên hoặc người am hiểu về công nghệ thông tin, có kỹ năng sử dụng nền tảng số. Các thành viên: Là người am hiểu công nghệ thông tin, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số, có lòng nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm đối với các hoạt động cộng đồng, có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số. Ưu tiên các lực lượng: Công an, giáo viên, sinh viên, học sinh, đoàn thanh niên, nhân viên của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

⁶ Gồm: Công an xã; Giáo viên; Công chức phụ trách công tác chuyển đổi số của xã, phường; Bí thư Đoàn thanh niên xã

- Khai thác dữ liệu và thông tin.
- Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.
- Sáng tạo nội dung số.
- Đảm bảo an toàn, an ninh mạng.
- Giải quyết vấn đề nhờ ứng dụng công nghệ số.
- *) *Lực lượng nòng cốt của Tổ Chuyển đổi số cộng đồng*

- Nhận thức số.
- Sử dụng thiết bị và phần mềm.
- Khai thác dữ liệu và thông tin.
- Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.
- Sáng tạo nội dung số.
- Đảm bảo an toàn, an ninh mạng.
- Giải quyết vấn đề nhờ ứng dụng công nghệ số.

*) *Thành viên Tổ chuyển đổi số cộng đồng*

- Nhận thức số.
- Sử dụng thiết bị và phần mềm.
- Khai thác dữ liệu và thông tin.
- Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.
- Sáng tạo nội dung số.
- Đảm bảo an toàn, an ninh mạng
- Giải quyết vấn đề nhờ ứng dụng công nghệ số.

*) *Lãnh đạo và người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã...*

- Nhận thức số.
- Khai thác dữ liệu và thông tin.
- Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.
- Sáng tạo nội dung số.
- Đảm bảo an toàn, an ninh mạng.
- Giải quyết vấn đề nhờ ứng dụng công nghệ số.

*) *Học sinh, sinh viên (theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khung năng lực số dành cho người học):*

- Khai thác dữ liệu và thông tin.
- Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.

- Sáng tạo nội dung số.

- An toàn.

- Giải quyết vấn đề.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

b) Bồi dưỡng (từ 5 - 14 ngày)

**) Công chức, viên chức phụ trách chuyển đổi số tại các sở, các xã, phường:*

- Quản trị dữ liệu, dữ liệu mở, kho dữ liệu dùng chung.

- Công nghệ số mới: điện toán đám mây, IoT, AI, Big Data.

- Quản trị dự án chuyển đổi số; kỹ năng tham mưu, lập kế hoạch, tổ chức triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

- Kỹ năng phân tích, đánh giá và vận hành các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong triển khai và vận hành hệ thống tại cấp sở, cấp xã.

3. Hình thức, thời gian

- Trực tuyến trên Cổng Bình dân học vụ số của tỉnh Sơn La và các nền tảng Moocs của Bộ Khoa học và Công nghệ cho các đối tượng tập huấn kỹ năng số cơ bản, học trực tuyến.

- Trực tiếp: Cho đối tượng bồi dưỡng chuyên sâu (từ 5 - 14 ngày/khóa; mỗi năm tối thiểu 2 khóa) do các học viện, trường đại học, các tổ chức, cơ sở đào tạo có chức năng bồi dưỡng đảm nhiệm.

4. Kinh phí

a) Kinh phí từ ngân sách Nhà nước, chi cho các nội dung

(1) Sở Khoa học và Công nghệ

- + Xây dựng bài giảng về kỹ năng số cơ bản đăng tải trên Cổng bình dân học vụ số của tỉnh.

- + Bồi dưỡng công chức, viên chức phụ trách chuyển đổi số tại các sở, xã, phường.

- + Tập huấn lực lượng nòng cốt của Tổ Chuyển đổi số cộng đồng để hướng dẫn lại thành viên Tổ Chuyển đổi số cộng đồng và người dân.

- + Duy trì Cổng Bình dân học vụ số của tỉnh

(2) Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

- + Bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số và kỹ năng số nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quản lý theo nhu cầu, phù hợp về hình thức, kinh phí và thời gian.

b) Kinh phí xã hội hóa.

c) Kinh phí của các doanh nghiệp, hợp tác xã.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý; đảm bảo tối thiểu đạt chỉ tiêu đào tạo năm 2026 theo kế hoạch của tỉnh (*ngoài ra, các sở, ban, ngành chủ động bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số và kỹ năng số nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quản lý theo nhu cầu, phù hợp về hình thức, kinh phí và thời gian*).

- Xây dựng dự toán thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm 2026 tổng hợp, tham mưu với cấp có thẩm quyền giao dự toán để triển khai thực hiện.

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt tới các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo kết quả (*lồng trong báo cáo kết quả về triển khai Phong trào bình dân học vụ số; Nghị quyết số 57-NQ/TW*) gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo.

- Báo cáo kết quả triển khai năm 2026 và dự kiến nhu cầu, kế hoạch đào tạo năm 2027 báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đề xuất*) chậm nhất ngày 30 tháng 11 năm 2026.

2. Giao chủ tịch UBND các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đối tượng quản lý; Tổ chuyển đổi số cộng đồng; Hợp tác xã, hộ kinh doanh, người lao động trên địa bàn, đảm bảo chỉ tiêu đào tạo năm 2026 theo kế hoạch này (*ngoài ra, các xã, phường chủ động bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số và kỹ năng số nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo nhu cầu, phù hợp về hình thức, kinh phí và thời gian*).

- Xây dựng dự toán thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm 2026 tổng hợp, tham mưu với cấp có thẩm quyền giao dự toán để triển khai thực hiện.

- Tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng và phù hợp tới các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước, Doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn.

- Chỉ đạo 100% bản, tiểu khu, tổ dân phố thành lập, kiện toàn, duy trì Tổ chuyển đổi số cộng đồng và hoạt động hiệu quả, hướng dẫn hỗ trợ người dân tại địa phương tiếp cận, sử dụng các thiết bị số, dịch vụ số.

- Báo cáo kết quả (*lồng trong báo cáo kết quả về triển khai Phong trào bình dân học vụ số; Nghị quyết số 57-NQ/TW*) gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo.

Báo cáo kết quả triển khai năm 2026 và dự kiến nhu cầu, kế hoạch đào tạo năm 2027 báo cáo UBND tỉnh *(qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đề xuất)* chậm nhất ngày 30 tháng 11 năm 2026.

3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ

Thẩm định, phê duyệt vị trí việc làm công chức phụ trách chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành và UBND cấp xã trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định hiện hành.

4. Giao Giám đốc Sở Tài chính

- Căn cứ đề xuất của các sở, ban, ngành, UBND các xã phường, tổng hợp, tham mưu với cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhân lực số cho các sở ban ngành, UBND cấp xã đảm bảo thực hiện kế hoạch này. Báo cáo kết quả với Trưởng Ban Chỉ đạo 1287.

- Hướng dẫn các sở, xã sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo quy định.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La

- Tổ chức tuyên truyền về hình thức đào tạo kỹ năng số cơ bản *(được tổ chức trên các nền tảng Moocs; Cổng Bình dân học vụ số của tỉnh)* để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân được biết và tham gia học.

- Báo cáo kết quả *(lồng trong báo cáo kết quả về triển khai Phong trào bình dân học vụ số; Nghị quyết số 57-NQ/TW)* gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc triển khai kế hoạch; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; tham mưu với UBND tỉnh kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch tại các cấp, ngành.

- Chủ trì tham mưu xây dựng các nội dung bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng theo quy định tại khung kỹ năng số tại Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 4 năm 2025 để đăng tải trên Cổng Bình dân học vụ số của tỉnh.

- Tham mưu xây dựng chương trình và tổ chức các lớp bồi dưỡng dành cho công chức phụ trách chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp xã.

- Hướng dẫn các đối tượng tham gia tập huấn trên Cổng Bình dân học vụ số của tỉnh và trên nền tảng Moocs do Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai.

Trên đây là Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Sơn La năm 2026. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com